

Lăng chính cung Hoàng hậu, vợ vua Quang Trung ở đâu?

Vietsciences- Trần Việt Điền

01/01/2011

[Những bài cùng tác giả](#)

Bà Chính Cung Hoàng Hậu của vua Quang Trung, nhân vật hậu trường của thời Tây Sơn, âm thầm gắn bó với sự nghiệp vinh quang và cay đắng của chồng, qua đời trước vua Quang Trung hơn một năm, được triều Tây Sơn an táng cùng với chồng ở kinh đô Phú Xuân. Việc tang ma bà Chính Cung không suôn sẻ là nguyên nhân gần của sự kiện vua Quang Trung đào mồ các chúa Nguyễn, quá thất nhân tâm! Hậu quả chỉ mười năm sau, lăng mộ của hai vợ chồng cùng bị vua Gia Long quật phá, bêu xác, trị tội thê thảm ở kinh đô bỏ ngõ mà vua con Cảnh Thịnh bắt đúc bắt tài không giữ được... Đa phần người Việt thừa nhận vua Quang Trung là một anh hùng dân tộc Việt, đại phá quân Xiêm, đánh bại và quét sạch quân Thanh xâm lược... Vì vậy tìm lăng mộ của vua Quang Trung là việc cần làm. Thế thì việc tìm kiếm lăng mộ của bà Chính Cung Hoàng Hậu sẽ góp phần tìm kiếm lăng mộ vua Quang Trung và ngược lại. Lăng mộ bà Chính Cung Hoàng Hậu của vua Quang Trung ở đâu là một câu hỏi từng được PGS Tiến sĩ Đỗ Bang, thuộc Khoa Sử trường Đại học Khoa Học Huế, trả lời trong sách **“Những khám phá về hoàng đế Quang Trung”** (NXB Thuận Hóa, Huế, 1988). Tác giả viết: “*Năm 1791, sau một cơn bạo bệnh, thầy thuốc trong và ngoài nước chữa chạy cũng không qua được cơn bệnh hiểm nghèo, bà từ trần vào ngày 29 tháng 3 và chôn ngày 25 tháng 6 năm 1791, mộ chôn dưới chân núi Kim Phụng nằm về phía tây của thành phố Huế.*” (s đ d, tr.22). Tác giả sách vừa nêu đã cung cấp những thông tin cần thiết về năm tháng ngày mất và ngày an táng của Chính Cung Hoàng Hậu, nhưng tiếc thay khi công bố khu vực có lăng mộ của bà thì tác giả viết quá sơ sài, thậm chí chưa xử lý văn bản đầy đủ, dẫn đến sự hoài nghi khoa học. Hơn nữa về hành trạng của bà Chính Cung Hoàng Hậu vẫn còn những ý kiến trái ngược nhau, càng gây khó khăn trong việc tìm lăng mộ của bà.

Dẫu rằng PGS. Tiến Sĩ Đỗ Bang đã chỉ hướng lăng mộ bà Chính Cung Hoàng Hậu ở núi Kim Phụng, thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế, nhưng chưa chứng minh. Đến nay chưa có những thông tin gì mới và tất nhiên giới nghiên cứu chưa tìm ra lăng mộ bà Chính Cung Hoàng Hậu.

Vài năm gần đây, chúng tôi cố gắng tìm kiếm lăng mộ bà Chính Cung Hoàng Hậu, rà soát và xử lý tư liệu, khảo sát điền dã, thử hình thành một giả thuyết công tác và tìm cách kiểm chứng giả thuyết trong điều kiện hạn hẹp. Chúng tôi thấy độ tin của giả thuyết chúng tôi nêu ra càng ngày càng tăng, vì thế xin công bố với hy vọng các nhà khảo cổ thuộc các cơ quan có thẩm quyền quan tâm. Nếu các nhà chuyên môn của Viện khảo cổ Việt Nam tiến hành thao tác khảo cổ học tại địa điểm cụ thể, do giả thuyết chúng tôi đề xuất, hy vọng tìm ra lăng mộ bà Chính Cung Hoàng Hậu và Đan Dương lăng của vua Quang Trung.

Để tiện theo dõi, chúng tôi bố cục bài nghiên cứu như sau:

I.Thu thập những đặc điểm của lăng mộ bà Chính Cung Hoàng Hậu:

1- Những thông tin hiếm hoi về thân thế của bà Chính Cung Hoàng Hậu.

2- Dựa vào ngày tháng năm mất để dự đoán việc an táng bà Chính Cung Hoàng Hậu:

a-Nhị thập bát tú cát, hung và các sao chiếu mệnh trong thiên văn cổ.

b- Xem xét cát hung ngày tháng năm mất của bà Chính Cung Hoàng Hậu.

3-Lăng bà Chính Cung Hoàng Hậu có khả năng thuộc loại “mộ hợp chất” kiểu “trong quan ngoài quách”:

a-Vài nét về mộ hợp chất ở Việt Nam.

b-Lăng mộ bà Chính Cung Hoàng Hậu phải là mộ hợp chất.

c-Về việc vua Gia Long nhận dạng xác ướp bà Chính Cung Hoàng Hậu.

4- Lăng bà Chính Cung Hoàng Hậu tuy bị quật phá nhưng vẫn giữ một số cấu kiện, trên đó có những ấn chứng trị tội và yếm của vua Gia Long.

II. Có thực lăng mộ Chính Cung Hoàng Hậu ở chân núi Kim Phụng ?

1-Kim Sơn hay Kim Phụng Sơn được nhắc trong Tây Sơn Thực Lục không phải là Thương Sơn.

2-Nếu Thương Sơn (tức núi Kim Phụng hiện nay) có lăng bà Chính Cung Hoàng Hậu Tây Sơn thì núi này không được khắc hình tượng lên Chương Đỉnh thuộc Cửu Đỉnh.

3-Lăng Chính Cung Hoàng Hậu, nếu ở núi Kim Phụng, không phù hợp phong thủy cổ?

4-Có khả năng lăng vua Quang Trung và lăng bà Chính Cung Hoàng Hậu cùng thuộc Đan Dương lăng, có chung miếu thờ, có chung nhà hộ lăng.

III.Thử tìm kiếm dấu tích lăng mộ bà Chính Cung Hoàng Hậu ở Nam Sông Hương :

1-Ở vùng Nam Sông Hương có vùng núi Kim Sơn .

2- Khảo sát điền dã quanh chân núi Kim Sơn để tìm dấu tích lăng mộ bà Chính Cung Hoàng Hậu :

- a-Ngoi mộ bà họ Trần, chôn nhờ ở ngôi mộ cổ bị quật phá .
- b-Phu nhân họ Trần, vợ chính của hoàng thân Bình Phú công, là ai ?
- c-Làm bia giả ở lăng Thủy Tiên để chôn nhờ hay tạo mộ giả để đánh lạc hướng ?

IV. Phải chăng tiền thân của ngôi lăng Thủy Tiên là lăng mộ bị quật phá của bà Chính Cung Hoàng Hậu ?

- 1-Lăng Thủy Tiên là lăng to, bị quật phá và có dấu tích bị trị tội.*
- 2-Bia thờ đã mất, về sau người ta sửa bia ghi năm phụng lập, có dấu trị tội thành bia thờ của bà họ Trần.*
- 3-Lăng Thủy Tiên nằm ở khu vực bị cấm và hậu vận giống lăng Ba Vành.*
- 4-Nhà Hộ lăng của lăng Thủy Tiên cũng là nhà hộ lăng của lăng Ba Vành và Đan Dương lăng.*

V. Tìm cách kiểm chứng giả thuyết công tác:

- 1- Khu giải trí Thủy Tiên thông báo di dời mộ bà họ Trần.*
- 2- Ai đã di dời mộ bà họ Trần? Những di vật còn sót lại trên miệng huyệt đã đào bới.*
- 3- Do khu giải trí sẽ xây dựng ở khu vực mộ bà họ Trần đã di dời, buộc chúng tôi xin giấy phép nghiên cứu hố huyệt đã vét hết di vật.*
- 4- Thảo luận quanh những di vật thu thập được ở lăng Thủy Tiên.*
 - a-Nhựa trám, nhựa thông là tín hiệu Lăng Thủy Tiên thuộc mộ hợp chất.
 - b- Quách của lăng Thủy Tiên tạo bằng gỗ gì ?
 - c- Đinh sắt thu được có vai trò gì ở đáy hố huyệt ?
 - d- Vữa hợp chất tạo tác nắm mộ và vôi hào dưới đáy huyệt.
 - e-Về vai trò các đồng tiền cổ ở lăng Thủy Tiên.

VI-Thay lời kết.

Tài liệu tham khảo .

I.Thu thập những đặc điểm của lăng mộ bà Chính Cung Hoàng Hậu:

- 1- Những thông tin hiếm hoi về thân thế của bà Chính Cung Hoàng Hậu:**

Dựa vào ghi chép của **Đại Nam chính biên liệt truyện** của Quốc sử quán triều Nguyễn, sách **Nhà Tây Sơn** của các nhà nghiên cứu **Quách Tấn, Quách Giao...**, PGS Tiến sĩ Đỗ Bang từng viết về thân thế của bà Chính Cung Hoàng Hậu trong sách **Những khám phá về hoàng đế Quang Trung** như sau:

Bà có tên húy là Phạm thị Liên, sinh năm Kỷ Mão [1759], anh em cùng mẹ khác cha với Thái sư Bùi Đắc Tuyên, thượng thư Bùi Văn Nhật và nữ tướng Bùi Thị Xuân. Bà kết hôn với Nguyễn Huệ vào năm Giáp Ngọ [1774]. Từ ấy bà vừa là vợ, vừa là “bạn chiến đấu” của Nguyễn Huệ trong suốt cuộc đời tham gia chinh chiến, suốt mấy mươi năm, của chồng.

Bà sinh hạ 5 con, ba trai hai gái, ba con trai là Nguyễn Quang Toàn, Nguyễn Quang Bàn, Nguyễn Quang Thiệu. Con trưởng Nguyễn Quang Toàn được phong Thái Tử và về sau nối ngôi.

Năm Kỷ Dậu [1789], bà được tấn phong Chính Cung Hoàng Hậu và vua Quang Trung rất mực quý trọng, thương yêu.

Năm Tân Hợi [1791], bà Chính Cung Hoàng Hậu gặp bạo bệnh, vua Quang Trung lệnh cho các quan ngự y giỏi chữa cho bà, không thành công, nhà vua lại nhờ các bác sĩ Tây y, kết cục bà qua đời vào **ngày 1-5-1791 tức ngày 29-3 năm Tân Hợi**. Vua Quang Trung rất đau đớn, khóc than thảm thiết; có lúc cuồng nộ làm thuộc hạ khiếp sợ. Tang lễ của bà được tổ chức long trọng vào ngày **25-7-1791 tức ngày 25-6 Tân Hợi**. Bà được suy tôn miếu hiệu “**Nhân cung Đoan tĩnh Trinh Thục Nhu Thuận Vũ hoàng chính hậu**”.



**Ảnh chụp nữ tướng Bùi Thị Xuân
(trong Hội thi võ của Festival Huế 2009, diễn viên đóng)**

Về họ và tên của bà Chính Cung Hoàng Hậu, mẹ của vua Cảnh Thịnh, vẫn chưa có sự thống nhất cao trong giới nghiên cứu. Bà Chính Cung Hoàng Hậu, mất năm 1791, có thuyết nói là bà Phạm Thị Liên, anh em cùng mẹ khác cha với Thái sư Bùi Đắc Tuyên, có thuyết nói là bà Bùi Thị Nhạn, em út của Thái sư Bùi Đắc Tuyên. Vua Cảnh Thịnh là con đẻ của bà nào, vẫn chưa khẳng định được? Còn bà Bùi Thị Nhạn là cô ruột của nữ tướng Bùi Thị Xuân hay là chị em với nữ tướng ?



Ảnh chụp nhà thờ họ Bùi ở Bình Định

Một sự kiện lịch sử chắc chắn là có bà Chính Cung Hoàng Hậu của vua Quang Trung mất ở Phú Xuân vào ngày 1-5 năm 1791 tức 29-3-Tân Hợi và có lăng mộ xây dựng ở Phú Xuân. Ngày tháng năm mất của bà, sẽ giúp suy đoán một số thủ thuật mà người xưa tiến hành trong an táng.

Theo Đại Nam chính biên liệt truyện, Nguyễn Vương Nguyễn Phúc Ánh ra lệnh quật phá lăng mộ của bà Chính Cung Hoàng Hậu cùng với lăng vua Quang Trung năm Tân Dậu[1801] ở Phú Xuân, mở quan tài, lấy thây đem bêu ở các chợ của kinh thành Phú Xuân, sau đó đem giam. Hơn một năm sau, người ta đưa hài cốt của bà ra trị tội, làm nhục trong lễ Hiến phù được tổ chức ở Phú Xuân vào tháng 11 năm Nhâm Tuất[1802]. **Lăng ông nội của vua Quang Trung ở Bình Định từng bị quật phá, được tìm thấy gần đây, cũng có ba uynh thành, không hài cốt, không đến nỗi bị cào bằng...bia thờ bị đục chữ không bị hủy và tìm thấy gần lăng... thế thì lăng bà Chính Cung Hoàng Hậu cũng như lăng vua Quang Trung hy vọng vẫn còn chừa lại uynh thành, có hình thức trị tội và yếm của vua Gia Long vậy.**

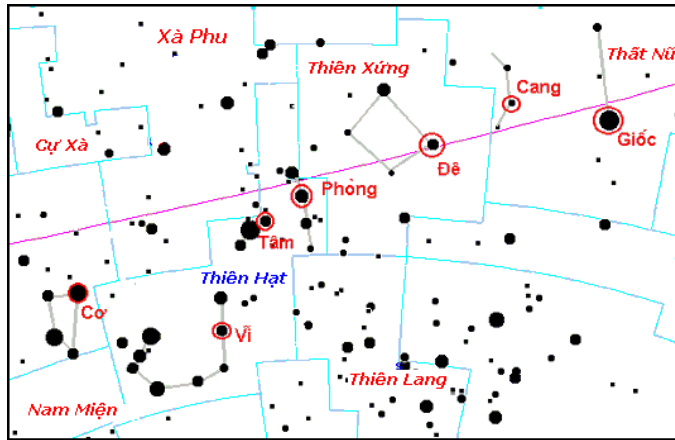
2- Dựa vào ngày tháng năm mất để dự đoán việc an táng bà Chính Cung Hoàng Hậu:

a-Nhị thập bát tú cát, hung và các sao chiếu mệnh trong thiên văn cổ.

Để có thêm những thông tin cần thiết trong việc tìm kiếm lăng mộ bà Chính Cung Hoàng Hậu, cần tra cứu **lịch pháp** và **thiên văn cổ** nhằm biết ngày, tháng, năm mất của bà xấu hay tốt theo quan niệm người xưa. Vì ngày, tháng, năm mất thuộc **hành** gì, **sao** gì chủ đạo và nếu bị sao xấu chiếu thì người xưa sẽ có những **thủ thuật trừ yếm** thích đáng theo tập tục. Để tiện trao đổi, chúng tôi tổng quan một số nội dung cần thiết:

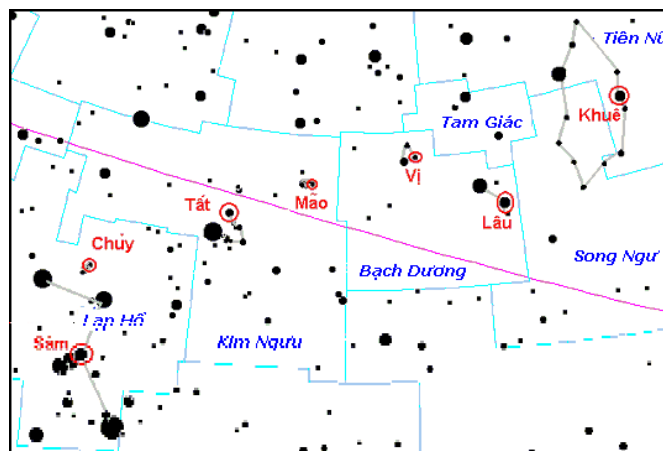
Thiên Văn cổ chia bầu trời ra 4 phương, mỗi phương gồm 7 chòm sao, vì có bốn phương đông tây nam bắc nên có 28 chòm sao thường gọi là nhị thập bát tú:

Phương Đông với biểu tượng con rồng xanh, gọi là **Thanh Long**, với 7 chòm sao: **Giốc** Mộc Giao (Sấu), **Cang** Kim Long (Rồng), **Đê** Thổ Lạc Cu (Ly), **Phòng** Nhật Thổ (Thỏ), **Tâm** Nguyệt Hồ (Cáo), **Vĩ** Hỏa Hổ (Cọp), **Cơ** Thủy Báo (Báo).



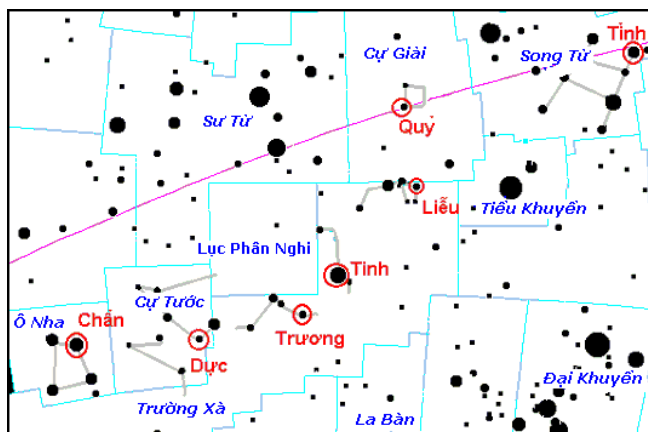
Bảy chòm sao Thanh Long chỉ phương Đông (nguồn : Trần Nhật Thành)

Phương Tây với biểu tượng con hổ trắng, gọi là **Bạch Hổ**, với 7 chòm sao: **Khuê** Mộc Lang (Sói), **Lâu** Kim Cầu (Chó), **Vị** Thổ Trĩ (Trĩ), **Mão** Nhật Kê (Gà), **Tất** Nguyệt Ô (Quạ), **Chủy** Hỏa Hầu (Khỉ), **Sâm** Thủy Viên (Vượn) :



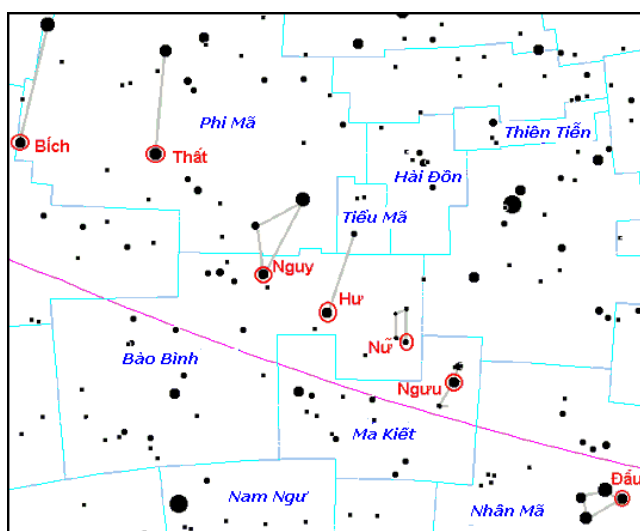
Bảy chòm sao Bạch Hổ chỉ phương Tây

Phương Nam với biểu tượng con phượng đỏ, gọi là **Phượng Các**, với 7 chòm sao : **Tinh** Mộc Hân (Cây), **Quĩ** Kim Dương (Đê), **Liễu** Thổ Chương (Hoẵng), **Tinh** Nhật Mã (Ngựa), **Trương** Nguyệt Lộc (Nai), **Dực** Hỏa Xà (Rắn), **Chẩn** Thủy Dấn (Giun):



Bắc chòm sao Phương Các chỉ phương Nam

Phương Bắc với biểu tượng con rùa đen, gọi là **Hoa Cái**, với 7 chòm sao : **Đẩu** Mộc Giải (Cua), **Ngưu** Kim Ngưu (Trâu), **Nữ** Thổ Bức (Dơi), **Hư** Nhật Thử (Chuột), **Nguy** Nguyệt Yến (Ến), **Thất** Hỏa Trư (Lợn), **Bích** Thủy Du (Nhím) :



Bắc chòm sao Hoa Cái chỉ phương Bắc

Theo bốn cô, nhị thập bát tú chia làm hai nhóm sao cát, hung được thống kê trong bảng sau :

Phương Nam	1.Giác (T)	2.Cang(X)	3.Đê(X)	4.Phòng(T)	5.Tâm(X)	6.Vĩ (T)	7.Co(T)
Phương Đông	8.Đẩu (T)	9.Ngưu(X)	10.Nữ(X)	11.Hư (X)	12.Nguy(X)	13.Thất(T)	14.Bích(T)
Phương Bắc	15.Khuê(X)	16.Lâu (T)	17.Vị (T)	18.Mão(X)	19.Tất (T)	20.Chủy(X)	21.Sâm(T)
Phương Tây	22.Tinh(T)	23.Quỷ(X)	24.Liêu(X)	25.Tinh(X)	26.Trương(T)	27.Dực (X)	28.Chẩn(T)

Bảng thống kê các sao cát hung của nhị thập bát tú

Chú thích: ...(T) (sao tốt hay cát tinh);(X) (sao xấu hay hung tinh)

Ngoài ra người xưa tin **các sao chiếu mệnh** thường niên bao gồm: *Thái dương, Thái âm, Mộc đức, La hầu, Kế đô, Thủy diệu, Hỏa tinh, Thổ tú, Thái bạch*. Mỗi năm, mỗi người đều có một sao chiếu mệnh. Sao hạn có ảnh hưởng nhất định đến công ăn việc làm, sức khỏe, danh vọng, tiền tài, tình duyên... Mỗi sao chiếu mệnh đều có ảnh hưởng cát hung khác nhau, mức độ cát hung phụ thuộc vào tính chất ngũ hành của từng sao, đồng thời chịu tác động của âm dương ngũ hành bản mệnh, chưa kể phúc đức gia đình của đối tượng mà sao chiếu... Muốn biết một người nào đó, năm này bị sao nào chiếu mệnh thì coi năm này người ấy là nam hay nữ, bao nhiêu tuổi theo âm lịch, nếu tuổi lớn hơn 9 thì cộng hai chữ số của tuổi được một chữ số; tra bảng đánh số các sao sau đây thì biết người ấy gặp hạn sao nào.

Nam: (1): La Hầu,
(2): Thổ Tú,
(3) Thủy Diệu,
(4): Thái Bạch,
(5): Thái Dương
(6): Hỏa Tinh
(7): Kế Đô,
(8): Thái Âm,
(9): Mộc Đức.

Nữ: (6): La Hầu,
(5): Thổ Tú,
(9) Thủy Diệu,
(8): Thái Bạch,
(7): Thái Dương
(2): Hỏa Tinh
(1) : Kế Đô
(4) : Thái Âm
(3) : Mộc Đức

Người xưa, từ vua quan chí thứ dân, làm việc gì xoay quanh việc hôn tang quan tể đều có thói quen coi ngày giờ, soát xét các sao nhị thập bát tú, các sao chiếu mệnh... nhằm tìm một thời điểm tối ưu cho việc làm... Triều đình phong kiến có cơ quan Khâm Thiên Giám, có quan phụ trách việc chọn năm tháng ngày giờ cho các việc lớn nhỏ của triều đình và hoàng gia. Việc an táng bà Chính Cung Hoàng Hậu của vua Quang Trung cũng phải coi năm tháng ngày giờ vậy. Dựa vào cách nghĩ cách làm theo tập tục của người xưa, trong việc coi ngày giờ, sao hạn, ... chúng tôi tìm thêm những thông tin về lăng mộ của bà.

b- Xem xét cát hung ngày tháng năm mất của bà Chính Cung Hoàng Hậu:

Bà Chính Cung Hoàng Hậu của Vua Quang Trung mất ngày **29 tháng 3 năm Tân Hợi**, tức là ngày **Quý Mão**, tháng **Nhâm Thìn**. Ngày Quý Mão thuộc hành **kim**, sao chủ đạo chiếu là **sao Mão**. Bồn cổ Việt Nam, viết về nhị thập bát tú, cho rằng **sao Mão** tức **Mão nhựt kê**, rất tốt cho công việc nhà nông, còn **tang ma**, giá thú, xây dựng thì **xấu**. Dân gian có thơ “ *Trúng ngày sao Mão tốt ruộng trâu/ Chôn cất kiện thừa mãi chẳng thôi/Giá thú hai bên rầu dầm lệ/Dựng nhà tai họa nội năm đầu.*” Ngày **Quý Mão** thuộc hành **kim**, mà theo ngũ hành tương sinh thì **kim sinh thủy**, nên ngày 29 tháng 3 là ngày sinh **thủy**. Bà Chính Cung sinh năm Kỷ Mão, **mệnh thổ**, mất ngày **Quý Mão** là gặp một **ngày xấu**, mệnh lại tương sinh với kim, thúc đẩy ngày ấy sinh thủy, và **mệnh thổ** lại rất **khắc thủy**. Như thế bà Chính Cung mất vào ngày xấu rồi! Không những thế bà Chính Cung lại mất vào tháng 3 năm Tân Hợi (1791), tức mất vào **tháng Nhâm Thìn**, tháng chiếu chủ đạo của sao **Quĩ**. Mà sao **Quĩ** lại là **Quĩ Kim Dương**, một sao rất xấu. Theo bồn cổ Việt Nam thì sao **Quĩ** là sao **đại hung**, mọi việc đều gặp hung, hao tài trừ việc an táng. Dân gian có thơ về cát hung của sao QUỖ: “ *Mọi việc việc nào cũng gặp hung/Quĩ tình yêu quái hại vô cùng...*”. Ngày tháng mất của bà Chính Cung Hoàng Hậu gặp hai sao xấu cùng chiếu. Dẫu không biết giờ mất của bà, nhưng vì biết được ngày tháng mất nên biết bà mất ngày xấu tháng xấu. Mà người xưa rất kỵ ngày tháng xấu nên chắc chắn triều đình Tây Sơn có biện pháp chế khắc việc bà mất ngày tháng xấu vậy.

Vì biết năm sinh của bà Chính Cung Hoàng Hậu là năm Kỷ Mão (1759), tính đến năm Tân Hợi (1791) bà ở tuổi 33. Chúng tôi thử tìm sao hạn của bà Chính Cung, tức tìm sao chiếu mệnh theo tập tục xưa, như sau:

Năm 1791, bà 33 tuổi theo âm lịch, lớn hơn 9 tuổi, cộng hai chữ số 3 của số tuổi được chữ số 6. Như thế năm 1791, bà Chính Cung Hoàng Hậu bị sao La Hầu chiếu mệnh. Theo khoa chiêm tinh cổ thì gặp hạn sao La Hầu, nữ giới gặp u sầu trong chuyện tình duyên, gặp tai nạn có thể thương vong, gặp nguy về thai sản... Có thể suy đoán, năm 1791, bên cạnh Chính Cung Hoàng Hậu, vua Quang Trung còn có Bắc Cung Hoàng Hậu Ngọc Hân, trẻ đẹp và tài hoa, lại là công chúa lá ngọc cành vàng của vua Lê. Phụ nữ ghen tuông là thường tình, chắc hẳn bà Chính Cung Hoàng Hậu cũng phải ghen thầm Bắc Cung Hoàng Hậu... Nếu gặp sinh nở thì rất dễ vấp phải bệnh dẫn đến tử vong mà dân gian gọi là “máu sản hậu”...

Không biết giờ mất của bà Chính Cung, nhưng chính sử cho biết các người thân ruột của bà Chính Cung Hoàng Hậu mất sau năm 1791 một năm là **vua Quang Trung** (mất năm 1792), mất sau năm 1791 bốn năm như anh ruột **Bùi Đắc Tuyên**, cháu gọi cô ruột như **Bùi Đắc Trự** (1794), và mất sau năm 1791 mười năm là hàng loạt **anh em, con cháu thân ruột** của bà (1801)... Theo bốn cổ của người xưa thì bà Chính Cung Hoàng Hậu khi mất phạm **trùng tang liên táng** ! Nếu tính năm, tháng, ngày mất của bà theo bốn cổ thì năm mất gặp cung **thiên di**, tháng mất cũng gặp cung **thiên di** và ngày mất gặp cung **nhập mộ** nên năm tháng ngày mất của bà Chính Cung không là nguyên nhân của trùng tang liên táng. Thế thì giờ mất của bà, theo người xưa, tất gặp giờ trùng. Bà tuổi Mão, nếu mất gặp giờ phạm trùng tang liên táng, theo cách tính của người xưa, có thể suy ra bà mất vào **giờ Thân**. Chắc hẳn người xưa phải xem kỹ năm tháng ngày giờ mất của bà để lo việc an táng. Năm, tháng, ngày mất gặp sao xấu chiếu, giờ mất phạm trùng tang liên táng nên triều đình Tây Sơn buộc phải cẩn trọng trong việc an táng, ắt có những thủ thuật trừ họa ở huyệt mộ. Thật vậy, chỉ cần nghiên cứu ngày an táng bà Chính Cung Hoàng Hậu 25-7-Tân Hợi cũng thấy người xưa đã chọn ngày tháng tốt. Triều Tây Sơn chọn ngày 25 có sao **Thất** chiếu, mà sao Thất là cát tinh; tháng 7 là do sao **Trương** chiếu, sao này cũng thuộc cát tinh... để góp phần trừ khử thần trùng hay tác động của các sao xấu như đã nêu.



Tượng sao La Hầu (có nguồn gốc Ấn Độ)

Vì bà Chính Cung Hoàng Hậu mất vào ngày tháng năm xấu, ngày thì hung tinh Mão Nhật Kê chiếu, tháng thì bị hung tinh Quỹ Kim Dương chiếu, năm thì bị hung tinh La Hầu chiếu mệnh nên bà Chính Cung Hoàng Hậu phải chết (trẻ), khiến hoàng đế Quang Trung quá đau đớn. Khi an táng bà Chính Cung, việc khai huyệt lại gặp trở ngại, khiến vua Quang Trung rất bức xúc,

trở nên cuồng nộ, có một hành xử thất nhân tâm là nhà vua đã ra lệnh quật mộ của các chúa Nguyễn. **Đại Nam thực lục chính biên**, đệ nhất kỷ từng chép: “**Tháng 9, ngày Ất Hợi**, sửa lại sơn lăng. Trước kia giặc Tây Sơn Nguyễn Văn Huệ tham bạo vô lễ, nghe nói chỗ đất phía sau làng Kim Ngọc (tức lăng Trường Mậu) rất tốt, định đem hài cốt vợ táng ở đó. Hôm đào huyệt, bỗng có hai con cạp ở bụi rậm nhảy ra, gầm thét vô căn, quân giặc sợ chạy. Huệ ghét không muốn chôn nữa. Sau Huệ đánh trận hay thua, người ta đều nói các lăng liệt thánh khí tốt nghi ngút, nghiệp để tắt dấy. Huệ bực tức, sai đồ đảng đào các lăng, mở lấy hài cốt quăng xuống vực...”(sđ d. tr 466).



Ảnh chụp vệ tinh huyện Hương Trà, phía Tây và Tây Nam thành Phú Xuân xưa, nơi có các phần mộ của các chúa Nguyễn và các bà vợ của chúa Nguyễn

Vậy có thể tin rằng, sau khi không táng được bà Chính Cung ở cát địa thuộc làng Kim Ngọc, gần lăng Trường Mậu, triều đình Tây Sơn sợ tác động xấu của các hung tinh, thần trùng, đã táng bà Chính Cung ở chỗ mới, ắt có các biện pháp trừ khử tác động quá xấu của các sao Mão, Quý, La Hầu, thần trùng theo tập tục Việt ở huyệt mộ của bà. Những thủ thuật trừ yểm sao xấu hay thần trùng sẽ để lại những ấn chứng ở huyệt mộ, cho dù đã bị quật phá. Người Huế thạo việc an táng, biết thầy địa kiêm phù thủy thường khử sao xấu hoặc thần trùng bằng bộ bài tới đồ, sắp các con bài sát thành trong áo quan, bao quanh thi hài...hoặc dùng đinh sắt cắm ở huyệt, nhằm thu hút thần lực các sao xấu như cột thu lôi chống sét...



Hồ Trường Mậu trước lăng Trường Mậu, ở gần nơi Tây Sơn
định táng bà Chính Cung Hoàng Hậu
của vua Quang Trung. Khi khai huyệt thì quân lính bị cọp vồ
(ảnh trích từ Nguyễn Phúc tộc thế phả).

3-Lăng bà Chính Cung Hoàng Hậu có khả năng thuộc loại “mộ hợp chất” kiểu “trong quan ngoài quách”:

a-Vài nét về mộ hợp chất ở Việt Nam:

Những mộ táng có chứa xác ướp ở Việt Nam, kiểu trong quan ngoài quách, giới khảo cổ học gọi là **mộ hợp chất**, được khai quật trên nửa thế kỷ qua, đều có niên đại thuộc về thời Hậu Lê và thời Nguyễn. Mộ hợp chất có quy mô lớn, được tạo tác rất công phu và phí tổn nhiều. **PGS. TS Nguyễn Lâm Cường** nói về mộ hợp chất : "*Loại mộ này chưa phát hiện ở miền Bắc, chỉ có ở phía Nam của nước ta. Mộ hợp chất có một đặc điểm chung nhất là có quách hợp chất bao ở bên ngoài. Quách hợp chất thông thường gồm 3 chất: vôi, cát, mật. Ngoài ra, người ta còn trộn thêm vỏ nhuyễn thể đã bị hun, đốt nghiền nhỏ hay giấy bản hoặc nước cháo loãng... Người ta còn dùng nước cây niệt dó trộn lẫn có tác dụng như chất hồ làm liên kết các hợp chất với nhau, khiến cho nước bên ngoài không thấm vào được. Chính vì vậy người ta gọi là “Mộ hợp chất”. Một số mộ lại có quách gỗ bao kín mặt của quan tài. Xác được giữ lại chính nhờ các loại dầu ướp xác và quan, quách kín, tạo môi trường yếm khí.”* Tất nhiên “mộ hợp chất” có chủ nhân thuộc tầng lớp quý tộc, đại gia có quyền thế thời phong kiến.

Trong "**Quang Trung Nguyễn Huệ- con người và sự nghiệp**", giáo sư sử học **Phan Huy Lê** có công bố ngôi mộ hợp chất mà chủ nhân là bà **Nguyễn Thị Trọng**, vợ thứ ba của ông **Lê Văn Thế**, thuộc gia đình Tây Sơn và có quan hệ mật thiết với Tây Sơn. Ngôi mộ này được phát hiện trên cánh đồng Mả Vôi thuộc xã Cát Hanh huyện Phù Cát, tỉnh Nghĩa Bình, vào tháng 8 năm 1984. Ngôi mộ táng kiểu “trong quan ngoài quách”, với quách được tạo bởi hỗn hợp gồm vôi sống, cát và một số chất kết dính. Quan tài bằng gỗ, mặt ngoài trát một lớp ngấn thấm rất kín, có chân và nắp là một nửa thân gỗ còn nguyên lớp vỏ bào không nhẵn. Xác ướp là một phụ nữ khoảng 60 tuổi, **thi thể hầu như còn nguyên vẹn và các khớp xương còn có thể hoạt động mềm dẻo...**Vải liệm gồm 7 súc đặt theo chiều dài và súc đặt theo chiều ngang.

Đáy quan tài có một lớp trấu và lúa không sấy, chất gạo còn khá tốt. Giữa nắp quan tài và xác là

một lớp là chuỗi khô. Giấy bản chèn cũng buộc bằng dây chuỗi khô. Đặc biệt, quan tài chứa một dung dịch có mặt **tinh dầu thông**.

Hoặc năm 1994 các nhà khảo cổ từng khai quật mộ hợp chất của bà **Nguyễn Thị Hiệu**, cô của Thuận Thiên Cao Hoàng Hậu, người thân của vua Gia Long, tại Xóm Cải, quận 5, thành phố HCM. Xác ướp được bọc trong chín lớp áo vải, lụa, gấm quý, ngấp trong chất dầu thơm có màu đỏ. Xác ướp là phụ nữ trạc 60 tuổi, tóc cắt ngắn chớm vai, da dẻ mịn màng và hơi có màu đỏ sạm của dầu thơm. Các khớp xương của xác ướp vẫn còn co duỗi rất tốt, da thịt mềm mại, rất ít có dấu hiệu bị phân hủy.



Ảnh xác ướp bà Nguyễn Thị Hiệu (BTLS.TP HCM)

b-Lăng mộ bà Chính Cung Hoàng Hậu phải là mộ hợp chất:

Bà Chính Cung Hoàng Hậu của vua Quang Trung mất khi nhà vua còn tại vị nên việc an táng bà rất chu đáo, trang trọng. Vì quốc tang nên tổ chức linh đình, dư luận đồn đại, bay tiếng vào Qui Nhơn, khiến vua Thái Đức Nguyễn Nhạc nhằm tướng vua Quang Trung đã mất và ông đưa quân ra nhằm chiếm Phú Xuân... Trở lại Phú Xuân tháng 5 Tân Dậu 1801, sau khi tạm ổn tình hình thì Nguyễn Vương Nguyễn Phúc Ánh ra lệnh quật phá lăng mộ của hai vợ chồng vua Quang Trung, chưa bá cáo, cử đoàn sứ giả do chánh sứ Trịnh Hoài Đức và phó sứ Hoàng Ngọc Uẩn sang triều Thanh báo cáo các tội của Tây Sơn. Đợi khi vua Gia Khánh nhà Thanh ban dụ về tội phúc diệt của Tây Sơn, vua Gia Long mới công khai việc quật phá lăng mộ vợ chồng vua Quang Trung vào tháng 11 Tân Dậu [1801]; đặc biệt có bêu “thi thể” của hai người ở các chợ, trong đó có chợ Được, trước kinh thành Phú Xuân...Sử gia chép “thi thể” chứ không chép “hài cốt” thì có thể hiểu thi thể là xác ướp vậy. Việc ướp xác vua chúa là việc thường xảy ra trong lịch sử phong kiến ở nhiều nước, trong đó có Việt Nam. Thời Tây Sơn cũng hay ướp xác vua, hoàng hậu và các bà mệnh phụ. PGS Tiến sĩ Đỗ Bang từng viết về việc an táng bà Chính Cung Hoàng Hậu: “*Theo Sérard thì dân Bắc Hà được lệnh tiễn về kinh Phú Xuân các thứ vải, sập, trầm hương, nhựa trám ...để chế thành chất mastique thật tốt để xác ướp thật lâu*”(s đ d . tr.22). Như vậy mộ bà Chính Cung Hoàng Hậu có dùng những hóa chất của kỹ thuật ướp xác, chẳng hạn dùng nhựa trám để phong kín quan tài và quách bọc quan tài để kỵ khí, chống phân hủy...Khi vua Gia Long cho bốc quan tài, lấy xác ướp của bà đem bêu...là sự kiện chắc chắn xảy ra như chính sử đã chép; nên mộ bà Chính Cung Hoàng Hậu của vua Quang Trung ở Phú Xuân

phải là mộ hợp chất. Qua **Sérard** được biết một trong các thứ tiến về kinh là trầm hương; như thế có khả năng trong dung dịch ướp xác bà Chính Cung Hoàng Hậu còn có **tinh dầu trầm** nữa.

Tóm lại nhờ những ghi chép của chính sử, thư từ của giáo sĩ phương Tây và dựa vào tập tục an táng thân nhân của hoàng tộc, đại gia của thời Hậu Lê ở Việt Nam, nhất là Đàng Trong...chúng tôi đoán định lăng mộ của bà Chính Cung Hoàng Hậu của Vua Quang Trung thuộc loại mộ hợp chất và ở huyệt mộ có những ấn chứng về phép trị các sao xấu, thần trùng của thầy phù thủy xưa. Tất nhiên lăng mộ này cũng bị vua Gia Long ra lệnh quật phá, yểm và có những hình thức trị tội.

c-Về việc vua Gia Long nhận dạng xác ướp bà Chính Cung Hoàng Hậu.

Một số nhà nghiên cứu, không tin vua Gia Long đã tìm được mộ bà Chính Cung Hoàng Hậu, cho rằng việc quật phá và bêu thi thể hai vợ chồng vua Quang Trung là làm giả và Đại Nam chính biên liệt truyện chép dối. Điều đáng tiếc là chưa thấy các nhà nghiên cứu này đưa ra những lập luận có sức thuyết phục về sự chép dối của các sử quan thuộc Quốc sử quán triều Nguyễn. Muốn phủ định những nội dung của chính sử thì phải trưng những bằng chứng thuyết phục về cái sai của những ghi chép trong chính sử. Nếu không thì trong nghiên cứu khoa học lịch sử, mọi trích dẫn từ chính sử đều không có giá trị ư?

Vua Gia Long đã tìm được lăng mộ của vua Quang Trung và bà Chính Cung Hoàng Hậu từ năm Tân Dậu (1801) và đào mồ ngay để đưa quan tài ra khỏi huyệt mộ, nhằm triệt phá “sự kết phát đế vương” của dòng tộc Tây Sơn theo quan niệm phong thủy. Khi Nguyễn Vương mới chiếm được Phú Xuân, vua Cảnh Thịnh chạy ra Bắc, vẫn là “An Nam Quốc Vương” do triều Thanh phong và quân Tây Sơn còn mạnh ở Bắc, và Nam Trung bộ, nên Nguyễn Vương rất thận trọng trong mọi việc. Năm sau khi bắt được vua Cảnh Thịnh, triều Thanh đã thu ấn An Nam Quốc Vương của Cảnh Thịnh, vua Gia Long mới về lại Phú Xuân làm lễ Hiến Phù vào tháng 11 năm Nhâm Tuất[1802].

Vì Tây Sơn có kỹ thuật ướp xác, nên xác ướp của bà Chính Cung Hoàng Hậu vẫn còn nhận diện được và tất nhiên những hàng tướng Tây Sơn như Lê Chất, vệ úy Ngô Văn Sở, tướng Phan Văn Thúy...hoặc những người thân của vua Gia Long còn “mai danh ẩn tích” ở Phú Xuân, như bà sư Vân Dương,... để bề giúp vua Gia Long nhận ra xác ướp của bà Chính Cung Hoàng Hậu vậy. **Do đã nhận ra xác ướp của Chính Cung Hoàng Hậu, triều đình vua Gia Long mới đem bêu ở các chợ, chỗ đông người để thị uy. Nếu xác ướp là giả thì vua Gia Long sẽ không đem bêu xác ướp của hai vợ chồng vua Quang Trung ở chỗ đông người. Lộ ngay !** Dân thành Phú Xuân sẽ biết ngay xác ướp của vua Quang Trung và Chính Cung Hoàng Hậu là giả. Những ngày mới trở lại Phú Xuân, Nguyễn Vương rất cẩn trọng trong việc thu phục nhân tâm, nhà vua sẽ không làm trò « lấy vải thừa mà che mắt thánh » ! Sử gia đã sử dụng cụm từ « đem bêu thi thể » chứ không dùng cụm từ « đem bêu hài cốt » là bằng chứng « đem bêu xác ướp » của bà Chính Cung Hoàng Hậu vậy. Sau một năm xác ướp của vua Quang Trung và Chính Cung Hoàng Hậu mới bị phân hủy, chỉ còn hài cốt và người ta lại đem hài cốt của cha mẹ vua Cảnh Thịnh ra trị tội trong lễ Hiến Phù.

Vua Cảnh Thịnh biết rõ nơi mẹ mình được an táng. Nếu quả xác ướp của bà Chính Cung Hoàng Hậu là giả thì trong khi bị hành hình, đang đau đớn thể xác, vua Cảnh Thịnh không còn đủ tâm trí « đóng kịch », bằng cách quay đầu, hướng về cái giỏ đựng hài cốt giả của cha mẹ vua... như những tình tiết được ghi lại trong bức thư của giáo sĩ Bissachère. Giáo sĩ Bissachère đã mô tả khá chi tiết các bước vua Gia Long đã hành hình và làm nhục vua quan Tây Sơn trong lễ Hiến Phù vào tháng 11 năm Nhâm Tuất [1802]:

“...Bấy giờ người ta dọn cho vua một bữa tiệc kha long trọng, chiếu theo tục trong xứ đối với những kẻ sắp bị tử hình. Em vua (tức Quang Thiệu) can đảm hơn vua, thấy vua ăn thì trách, và bởi vì mâm người ta dọn đồ ăn bưng tới đó có những đặc điểm có ý tôn trọng chức vua, nên ông nói: “Nhà mình thiếu gì mâm, cần gì phải ăn mâm mướn”.

Ăn xong, người ta nhét giấy vào miệng vua và nhiều người khác để họ khỏi chửi mắng vua mới, đoạn trói chân tay vào bốn voi để cho voi xé. Một con voi đã kéo nát đuôi và lòe gân vua ra, nhưng vua còn quay về cái giỏ chứa xương cha mẹ vua... » . Chỉ có hài cốt thật của cha mẹ mình, trong đau đớn thể xác tột cùng, tử tội Cảnh Thịnh mới quay về cái giỏ chứa xương của cha mẹ.

Ngoài ra, vua Gia Long sẽ không làm lễ Hiến Phù trước từ đường họ Nguyễn với « tù binh giả » (hài cốt giả của vợ chồng vua Quang Trung), vì nếu làm như thế vua Gia Long sẽ phạm tội « dối lừa tổ tiên ». Dầu sao, những sự kiện ấy nhà Nguyễn từng đại chúng hóa để thị uy, trả thù. ..thì các sử thần ở Quốc Sử Quán không thể chép sai được ! Tất nhiên giáo sĩ Bissachère đã mô tả rành rẽ như trên thì sự kiện ấy phải nhiều người chứng kiến, không làm giả được ! Rất mong các nhà nghiên cứu, không tin vua Gia Long đã quật đúng mộ thật của bà Chính Cung Hoàng Hậu và vua Quang Trung, chỉ ra những cơ sở khoa học nghiêm túc về ức đoán táo bạo và ly kỳ của mình.

4- Lăng bà Chính Cung Hoàng Hậu tuy bị quật phá nhưng vẫn giữ một số cấu kiện, trên đó có những ấn chứng trị tội và yếm của vua Gia Long.

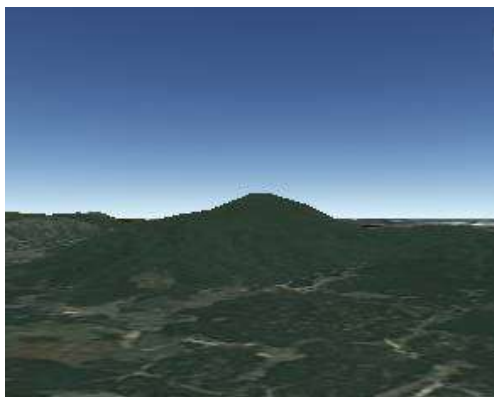
Vua Gia Long kế thừa sự nghiệp 9 đời chúa Nguyễn, khi chiếm được đô thành Phú Xuân đã thi ân, báo oán rõ ràng. Việc trị tội đầu tàn bạo nhưng đều tổ chức đình nghi, rất bài bản và có phép tắc. Đối với mộ phần kẻ bị tội, có quật phá nhưng tùy từng trường hợp mà mức độ quật phá khác nhau ; **không bao giờ xóa sạch mộ phần**. Có thể mộ đã quật, lấy quan tài, hủy bia thờ, bêu xác ướp, thậm chí chém chặt hài cốt... nhưng vẫn giữ lại một số cấu kiện của công trình kiến trúc lăng mộ của kẻ có tội, như uynh thành, công lăng, ...để trên đó nhà vua có những ấn chứng trị tội, nhằm thị uy, làm gương cho người khác.Một số mộ ở Phú Xuân được giữ lại một số cấu kiện để làm bằng chứng về tội đối trả của An Nam quốc vương Cảnh Thịnh đối với vua Càn Long. Lăng mộ bà Chính Cung Hoàng Hậu của vua Quang Trung hoàn toàn bị quật phá, bỏ quan tài, bêu thi thể (xác ướp), giam hài cốt (xác ướp đã phân hủy) một năm. Sau khi bắt Cảnh Thịnh, Quang Duy... thì tổ chức lễ Hiến Phù, làm ô uế hài cốt đựng trong giỏ, trước mặt vua con Cảnh Thịnh, giã nát rồi cho trôi sông...Khác vua Quang Trung, sợ của bà không bị giam vào vò như sợ của chồng. Hiện tượng không xóa hoàn toàn lăng mộ kẻ bị tội, giữ lại một số cấu kiện để thiên hạ biết mộ của tội nhân, trên mộ có ấn chứng trị tội của nhà vua, vẫn được kế thừa vào triều vua Minh Mạng, khi nhà vua trị tội Lê Văn Duyệt, Lê Chất,...

Hơn nữa, năm 1801 khi vua Cảnh Thịnh, An Nam quốc vương, còn đóng đô ở Thăng Long với niên hiệu Bảo Hưng thì vua Gia Long sớm cử sứ bộ Trịnh Hoài Đức-Hoàng Ngọc Uẩn sang Tàu, dâng sớ của vua Gia Long nhằm nói rõ lý do chiếm lại Phú Xuân, tố cáo Tây Sơn dung dưỡng giặc biển, giao nạp các tướng giặc biển và ấn tín do vua Cảnh Thịnh để lại Phú Xuân khi chạy ra Bắc... Vua Gia Khánh đã ra dụ nói thêm tội phúc diệt của Cảnh Thịnh, có khả năng là tội khi quân : Táng vua cha ở Phú Xuân lại dâng sớ báo cáo táng ở Linh Đàm, Thăng Long. Không theo điển lễ của Thiên triều trong việc tế Thiên Địa, cụ thể tế Trời riêng ở Đàn Viên Khâu (Bên Sơn), tế Đất riêng ở Đàn Phương Trạch (sau chùa Thiên Mụ), trong khi đó Thiên triều yêu cầu tế Thiên Địa chung tại Đàn Nam Giao... Để làm bằng chứng về tội phúc diệt của Tây Sơn, các vua triều Nguyễn đã giữ lại Gò Viên Khâu của Tây Sơn, nên hai trăm năm sau vẫn còn xác định rõ ba hình nón cụt chồng lên nhau. Thế thì lăng mộ của vợ chồng vua Quang Trung ắt chứa lại một số cấu kiện để làm bằng chứng về tội phúc diệt của Tây Sơn và trên đó có ấn chứng tội và yếm .

Vậy lăng mộ của bà Chính Cung Hoàng Hậu chắc chắn được giữ lại một phần để thao tác trị tội, trấn yếm và thị uy như đã nêu ở trên. Và tất nhiên vùng núi có lăng mộ bị quật phá và trị tội như trên, sẽ ít người lai vãng, dẫu không cấm cũng không dám lại gần và sợ bị trọng tội khi đưa thân nhân vào chôn ở những cuộc đất ấy.

II-Có thực lăng mộ Chính Cung Hoàng Hậu ở chân núi Kim Phụng ?

Sau khi thu thập một số đặc điểm về lăng bà Chính Cung Hoàng Hậu, có thể đi tìm kiếm. Ban đầu dựa vào chỉ hướng của PGS Tiến sĩ sử học Đỗ Bang, chúng tôi nhiều lần khảo sát đi tìm đã ở chân núi Kim Phụng (tên núi hiện nay, xưa gọi là Thương Sơn hay núi Thương). Hỏi dân các làng dưới chân núi, hỏi những người đi củi, hỏi các bác đi khai thác gỗ... chẳng thu được một thông tin nào về lăng mộ, hay dấu tích lăng mộ như uynh đá hoặc gạch cổ ở chân núi Kim Phụng. Chúng tôi bắt đầu nghi ngờ thông tin trên, buộc phải xem xét cơ sở tư liệu và cách xử lý tư liệu của PGS Tiến sĩ Đỗ Bang trong vấn đề lăng mộ của bà Chính Cung Hoàng Hậu.



Ảnh chụp vệ tinh núi Kim Phụng và làng mạc dưới chân núi.

Một thời gian dài điều tra, chúng tôi kết luận không thể có lăng mộ bà Chính Cung Hoàng Hậu của Tây Sơn ở chân núi Kim Phụng thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế, với các lý do sau:

1-Kim Sơn hay Kim Phụng Sơn được nhắc trong Tây Sơn Thực Lục không phải là Thương Sơn:

Khi thông báo lăng Chính Cung Hoàng Hậu ở chân núi Kim Phụng, PGS Tiến sĩ Đỗ Bang dựa vào sách **Tây Sơn thực lục**. Tác giả Tây Sơn thực lục khi thông báo lăng mộ bà Chính Cung Hoàng Hậu ở chân núi Kim là muốn chỉ định núi nào ở Thừa Thiên –Huế?

Hãy thảo luận quanh thông tin quan trọng này. Thế kỷ 18,19 và đầu thế kỷ 20, núi Kim Phụng ở về phía Tây Nam thành phố Huế không gọi là núi Kim Phụng mà gọi là **Thương Sơn** hay **Khuân Sơn**. Dân gian thì gọi núi này là **núi Độn** hay **hòn Đụn**. Thế thì tác giả **Tây Sơn thực lục**, khi viết sách này vào cuối thế kỷ 18 hoặc đầu thế kỷ 19, muốn thông báo mộ bà Chính Cung Hoàng Hậu ở núi Kim Phụng (hiện nay) thì phải viết “mộ táng ở núi Thương Sơn”, chứ không thể viết mộ Chính Cung Hoàng Hậu ở Kim Sơn hay Kim Phụng Sơn được! . Thật vậy, thế kỷ 19 núi Kim Phụng (hiện nay) chưa có tên này, chỉ ít danh xưng ấy phải xuất hiện sau thời vua Duy Tân, tức là thời Quốc Sử quán triều Nguyễn soạn bộ ĐNNTC(bản Duy Tân). Lê Quý Đôn viết Phủ Biên tạp lục vào thế kỷ 18 từng chép : “ *Phường Hải Cát xã Cư Hoà huyện Hương Trà có **núi Hòn Đồn** , núi Hòn Duệ rất cao to, là trăn sơn của huyện; sông dài thì tự đầu nguồn, qua Phú Xuân chảy xuống cửa Eo . Huyện Quảng Điền cũng lấy núi Hòn Đồn làm trăn sơn.* (sdd,tr114). Núi này từng được Ô châu cận lục, soạn vào thế kỷ 16, chép : “ **Thương Sơn**:Núi ở ngọn nguồn huyện Kim Trà, đồ sộ cao nhon, hơn cả mọi ngọn núi khác. Phóng tầm mắt mà ngó bốn phía chung quanh, tựa như một cái kho lúa vuông vắn. Tục truyền trên đỉnh núi có cái giếng nước vừa mát vừa trong. Trong giếng có cá, bơi lội thung thăng, thật là một quả núi rất kỳ rất đẹp” (ÔCCL, bản dịch của Bùi Long,tr13).Trong ĐNNTC, bản Duy Tân, có chép núi **Kim Phụng** nhưng ngọn núi này ở tận huyện Phú Lộc, không phải núi Kim Phụng theo cách gọi hiện nay. Từ thành phố Huế mà nhìn về phía tây nam thì thấy Thương Sơn cao và đẹp nhất. ĐNNTC chép : “**Núi Thương** : Ở phía nam huyện Hương Trà , có tên nữa là núi Thiên Dữu, hình thế khum khum cao lớn , như vừa thóc tròn, nên gọi tên thế , đỉnh núi có giếng , nước rất trong mát, trong giếng có cá ; là một ngọn núi đẹp khác thường . Năm Minh Mạng thứ 17 đúc cửu đỉnh khắc tượng vào **CHƯƠNG ĐỈNH**; năm Tự Đức thứ 3 liệt vào hàng danh sơn chép trong điển thờ” (s đ d, tập 1, tr.123).

Như thế, ở các thế kỷ 16, 17, 18, 19 và đầu thế kỷ 20, **núi Kim Phụng** ở Thừa Thiên Huế hiện nay chưa có tên Kim Phụng mà có danh xưng là Thương Sơn hoặc Thiên Dữu Sơn hoặc Hòn Đồn.



Ảnh chụp Thương Sơn (nay là núi Kim Phụng)

Vậy Kim Sơn mà Tây Sơn Thực Lục chép có mộ của Chính Cung Hoàng Hậu không phải là núi Kim Phụng hiện nay.

2-Nếu Thương Sơn (tức núi Kim Phụng hiện nay) có mộ bà Chính Cung Hoàng Hậu thì núi này không được khắc hình tượng lên Chương Đỉnh thuộc Cửu Đỉnh:

Một hiện tượng đáng chú ý là vua Gia Long, vua Minh Mạng... rất căm thù Tây Sơn, coi Tây Sơn là nguy nên những công trình do Tây Sơn xây dựng thì các vua Nguyễn phá bỏ. Những công trình kiến trúc do chúa Nguyễn xây dựng, Tây Sơn trưng dụng thì vua Gia Long vẫn giữ lại nhưng biến cải chức năng, ví dụ văn miếu Long Hồ do chúa Nguyễn Phúc Thuần xây dựng, quân Lê Trịnh khi chiếm Phú Xuân vẫn tiếp tục sử dụng, sau đó Tây Sơn vẫn tổ chức tế lễ và học tập ở đó, cho nên khi vua Gia Long trở lại Phú Xuân liền biến văn miếu Long Hồ thành Khải Thánh từ (thờ cha mẹ Khổng Tử), chôn những di vật do Tây Sơn tạo tác như tượng Khổng Tử và bia của văn miếu. Thậm chí những ngọn núi mà Tây Sơn từng đóng quân, hay có xây dựng những công trình kiến trúc gì đó, thì các vua Nguyễn coi những núi ấy đã “ô uế”, không đưa vào đền thờ!

Nếu núi Thương Sơn, tức núi Kim Phụng theo cách gọi hiện nay, từng có mộ của “ngụy Tây” thì Thương Sơn không được vua Nguyễn đưa vào đền thờ hoặc không khắc hình tượng ở Chương Đỉnh trong nhóm Cửu Đỉnh. Thật vậy :

Bảy danh sơn được chọn khắc vào bảy đỉnh của cửu đỉnh , trong đó hết 3 ngọn ở Kinh Sư và 4 ngọn ở Bắc trung kì và Bắc kì. Hai đỉnh không có khắc hình tượng danh sơn là NGHỊ ĐỈNH và DŨ ĐỈNH. Để tiện theo dõi có thể tham khảo sơ đồ bố trí các đỉnh của cửu đỉnh trước THÊ MIẾU và ở HIỀN LÂM CÁC; cùng với vị trí của hình tượng các danh sơn trên các đỉnh:

CAO ĐỈNH (I)
(Núi Thiên Tôn)

HUYỀN ĐỈNH	TUYÊN ĐỈNH	NGHỊ ĐỈNH	CHƯƠNG ĐỈNH	NHÂN ĐỈNH	ANH ĐỈNH	THUẦN ĐỈNH	DŨ ĐỈNH
(n Hoành)	(n Duệ)	(không)	(n Thương)	(n Ngự)	(n Hồng)	(n Tản)	(không)
(IX)	(VII)	(V)	(III)	(II)	(IV)	(VI)	(VIII).

Bảy danh sơn có hình tượng trên cửu đỉnh gồm Thiên Tôn sơn, Ngự Bình sơn, Thương sơn, Hồng Lĩnh sơn, Duệ sơn, Tản Viên sơn, Hoành sơn, trong đó có 3 danh sơn ở Thừa Thiên - Huế. Các danh sơn này được ghi vào đền thờ.

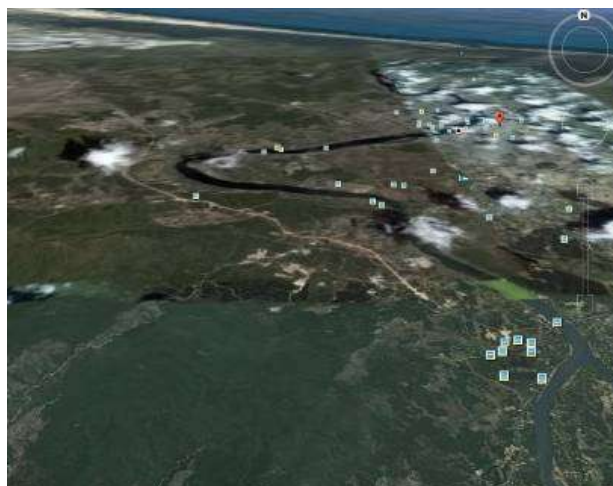


Cửu Đỉnh được tôn trí dưới thềm Hiển Lâm Các

Thương Sơn (tức núi Kim Phụng hiện nay) nếu có lăng mộ của bà Chính Cung Hoàng Hậu của vua Quang Trung thì Thương Sơn không thể chọn khắc trên Chương Đỉnh, có thụy của vua Thiệu Trị (Chương Hoàng Đế) và không đưa vào điển thờ và tế lễ ở Đàn Xuyên Sơn!

3-Lăng Chính Cung Hoàng Hậu, nếu ở núi Kim Phụng, không phù hợp phong thủy cổ ?

Vua Quang Trung băng hà sau bà Chính Cung Hoàng Hậu trên một năm. Triều Tây Sơn táng vua Quang Trung ở Nam sông Hương, mà lăng mộ bà Chính Cung lại ở Bắc sông Hương thì bất cập quá. Thời bấy giờ, các lăng Trường của chúa Nguyễn, các lăng Vĩnh của các hoàng hậu của chúa Nguyễn phần lớn nằm ở phía tây hoặc tây nam Huế, bờ tả ngạn sông Hương. Ở Nam sông Hương, phía hữu ngạn, đang còn nhiều cát địa. Sau vụ thất bại trong việc tầm long điểm huyết và khai huyết ở làng Kim Ngọc gần lăng Trương Mậu, tả ngạn sông Hương, thì các thầy địa lý triều Tây Sơn đã biết miền tả ngạn sông Hương có nhiều lăng mộ của hoàng tộc chúa Nguyễn, có khí vượng, nên họ có xu hướng cầm la kinh đi tìm địa cuộc cho lăng mộ của bà Chính Cung ở Nam sông Hương vậy. Sinh thời vua Quang Trung rất yêu quý bà Chính Cung Hoàng Hậu, hai vợ chồng như « chim liền cánh cây liền cành », trong suốt cuộc đời chinh chiến của họ. Khi bà mất, vua Quang Trung rất đau đớn, có khi cuồng nộ...Bởi vậy, nếu lăng mộ của bà Chính Cung Hoàng Hậu ở Thương Sơn thì khi vua Quang Trung băng hà, triều đình Tây Sơn ắt phải táng Quang Trung Hoàng Đế ở vùng núi Thương Sơn để nhà vua gần Chính Cung Hoàng Hậu. Khi ấy chính sử sẽ chép « **Huệ mộ táng vu Hương Giang chi bắc** ». Trái lại chính sử lại chép « **Huệ mộ táng vu Hương Giang chi nam** », tức lăng của vua Quang Trung ở Nam Sông Hương, thế thì lăng mộ của bà Chính Cung Hoàng Hậu phải ở Nam Sông Hương mà thôi .



Ảnh chụp vệ tinh vùng Nam Sông Hương (hữu ngạn sông) và vùng « tây sông Hương »(tả ngạn sông). Triều đình Cảnh Thịnh không thể táng Chính Cung Hoàng Hậu và Hoàng đế Quang Trung ở hai nơi xa nhau, ngăn cách bởi sông Hương.

4-Có khả năng lăng vua Quang Trung và lăng bà Chính Cung Hoàng Hậu cùng thuộc Đan Dương lăng, có chung miếu thờ, có chung nhà hộ lăng.

Trong tập Thu Cận Dương Ngôn của Ngô Thì Nhậm, viết trong những ngày hầu cận vua Cảnh Thịnh năm 1796, có bài « **Sóc vọng thị tấu nhạc Thái Tổ miếu, cung ký** » và họ Ngô nhắc đến hai công trình kiến trúc **Thanh miếu** và **Đan lăng** qua hai câu : « *Thanh miếu đài đầu quân hán nhĩ/Đan lăng thức mục tử vân thâm* »(Nơi Thanh miếu, ngẩng đầu miền quân hán gần gũi/Chốn Đan lăng, áng tử vân âm u). Bà Chính Cung Hoàng Hậu mất trước vua Quang Trung, nếu Thái Tổ miếu (tức Thanh miếu) là nơi chỉ thờ vua Quang Trung thì bà Chính Cung Hoàng Hậu được thờ ở đâu ? Không thấy Ngô Thì Nhậm ghi lại việc tế lễ ở miếu thờ mẫu hậu của vua Cảnh Thịnh ? Vua Cảnh Thịnh, cũng như Ngô Thì Nhậm « trọng nam khinh nữ » chẳng ? Chỉ có khả năng cao nhất là ở Thái Tổ miếu (Thanh miếu), triều đình Cảnh Thịnh hợp thờ cả Vua Quang Trung và Chính Cung Hoàng Hậu vậy.

Cũng nhờ Thu Cận Dương Ngôn, biết Ngô Thì Nhậm từng theo hầu vua Cảnh Thịnh bái tảo **Đan Dương lăng** ở Phú Xuân , từng phụng ký bài thơ « **Tòng giá bái tảo Đan lăng cung kỳ** ». Thế thì những ngày hầu cận vua Cảnh Thịnh, ít nhất một lần họ Ngô có theo hầu vua Cảnh Thịnh bái tảo lăng Chính Cung Hoàng Hậu, tại sao họ Ngô chẳng có một bài thơ « phụng ký » nào ? Vua Cảnh Thịnh không bái tảo lăng của mẹ mình hay sao ? Vua Cảnh Thịnh rất thích thơ, Ngô Thì Nhậm là quan từ hàn thường theo hầu vua thăm viếng các nơi và thường « phụng ký » những bài thơ « tức cảnh » để vua xem. Khả năng cao nhất, để lý giải hiện tượng trên, là Đan Dương lăng không những là nơi có phần mộ của vua Quang Trung mà còn có phần mộ của bà Chính Cung Hoàng Hậu nữa . Mỗi lần bái tảo Đan Dương lăng, vua Cảnh Thịnh và các quan hộ giá đều viếng mộ vua và hoàng hậu. Bởi vậy Ngô Thì Nhậm không « phụng ký » riêng một bài thơ nhân việc bái tảo lăng mộ Chính Cung Hoàng Hậu.

Vậy những ngày sóc, vọng có tấu nhạc ở Thanh miếu , thiết lễ dâng cúng cả vua và hoàng hậu, còn khi bái tảo Đan Dương lăng là bái tảo cả mộ Quang Trung và mộ Chính

Cung Hoàng Hậu. Sơn lăng Đan Dương có mộ của hai vợ chồng vua Quang Trung, ắt sẽ có nhà họ lăng Đan Dương, coi sóc cả hai phần mộ.

III. Thử tìm kiếm dấu tích lăng mộ bà Chính Cung Hoàng Hậu ở Nam Sông Hương :

1-Ở vùng Nam Sông Hương có vùng núi Kim Sơn :

Một nghi vấn thú vị : Tác giả **Tây Sơn thực lục** viết về **Kim Sơn** hay **Kim Phụng Sơn** là viết về một vùng núi ở sát sông Hương, gần ngã ba Tuần, thuộc phường Châu Chữ làng Cư Hóa (sau cải thành xã Cư Chánh). Vùng núi này có núi Châu Chữ, hình Kim theo phong thủy, là ngọn cao nhất.



Núi Châu Chữ (hình Kim) của quần sơn Châu Chữ.



Ảnh chụp vệ tinh toàn cảnh làng Kim Sơn, nơi có lăng Thủy Tiên và lăng Ba Vành



Miếu khai canh khai khẩn của làng Kim Sơn

Có một thôn, được thành lập thời chúa Nguyễn, phát triển mạnh từ đầu thế kỷ 19, ở chân núi Châu Chữ có hình Kim, hai bờ khe Châu Ê, gọi là thôn Kim Sơn. Theo các bô lão của làng Kim Sơn thì tiền thân làng là nương rẫy của quan Tri huyện họ Trần thời chúa Nguyễn Phúc Tần. Quan tri huyện họ Trần thường trú tại làng Kim Long lên chân núi Châu Chữ khai canh, lập vườn, về sau hình thành ở đây phường Kim Long. Về sau phường Kim Long lại đổi thành thôn Kim Sơn. Có người lý giải danh xưng Kim Sơn là do Kim Long-Tổng Sơn, cách này quá khiên cưỡng. Kim Long đổi qua Kim Sơn vì núi Châu Chữ có hình Kim theo phong thủy và thôn làng ở dưới chân núi hình kim nên các vị tiền bối lấy tên làng là Kim Sơn vậy. Các quan xin khai khẩn đất rừng ở quần sơn của phường Châu Chữ, thuộc xã Cư Hóa (về sau là Cư Chánh), vừa lập nương, rẫy vừa xây sanh phần cho thân nhân của họ. Các quan nhờ dân sở tại vừa trông coi sanh phần vừa canh tác nương rẫy và chia hoa lợi. Nói chung nương rẫy được khai thác dưới chân núi hoặc trên gò đồi to nhỏ thuộc quần sơn Châu Chữ, còn gọi quần sơn Kim Sơn, thuộc làng Cư Chánh. Chẳng hạn quan tổng trấn Bắc thành Nguyễn Văn Thành cũng có đất ở vùng Kim Sơn này và ông đã táng mẹ phía đông núi Kim Sơn, bên bờ khe Châu Ê. Do "sửa mộ mẹ quá phép", thực ra vì táng ở cát địa, nên triều đình vua Gia Long bắt tội Nguyễn Văn Thành phải chết. Sau vụ án Nguyễn Văn Thành, các quan không dám táng thân nhân ở vùng Kim Sơn nữa. Về sau gia đình các quan, phần lớn nhường lại nương rẫy với giá rẻ, hoặc « tặng không » những phần đất tư cho những cư dân sở tại. Cư dân làng Kim Sơn ban đầu thừa thót, chuyên làm thuê cho các chủ đất ở phố, bây giờ đã sở hữu nương rẫy, làm ăn sinh sống ổn định, phát triển thành thôn làng Kim Sơn. Các quan ấy sau khi mất, làng tôn họ thành các vị khai canh khai khẩn của làng. Mỗi khi làng tế lễ thì con cháu các nhân thần ở dưới phố mới lên dự. Trong lòng văn tế thần của làng Kim Sơn có những nhân thần : « **Tiền hiền khai canh tri huyện Trần quý công chi vị** », « **Hậu hiền khai khẩn Thống chế Trần tướng quân chi vị** », « **Chánh vệ úy Nguyễn tướng quân chi vị** », « **Tùng khản phó vệ úy Nguyễn tướng quân chi vị** » ... Chỉ có Thống chế Trần tướng quân có thể khảo được, đó là **Trần Văn Năng** (1763 - 1835), là danh tướng nhà Nguyễn, người huyện Vĩnh Xương, tỉnh Khánh Hòa, đầu quân chúa Nguyễn Phúc Ánh năm 1777. Nhờ có sức mạnh và giỏi võ, có mưu lược, ông thờ hai triều vua Gia Long, Minh Mạng ; từng có ấn triện Tướng quân Thống chế, Tiền quân Đô thống phủ Chương phủ sự.



Ảnh chụp vị phụ trách tế lễ của làng Kim Sơn đang lấy đinh bạ ra khỏi ống



Đinh Bạ của làng Kim Sơn

Về sau các vua Triều Nguyễn gọi một ngọn núi của quần sơn Kim Sơn, nơi có lăng Cơ Thánh, là núi Hung Nghiệp (có lăng Cơ Thánh). Lại tìm cát địa cho vua Thiệu Trị ở chân một ngọn núi thuộc quần sơn Kim Sơn, xây dựng Xương Lăng nên vua Tự Đức ban cho núi có Xương Lăng tên Thuận Đạo Sơn. Riêng ngọn núi nằm giữa thôn Kim Sơn, của quần sơn Châu Chử, vẫn gọi là núi Kim Sơn. Vậy **Tây Sơn thực lục** khi chép mô tả Chính Cung Hoàng Hậu ở Kim Sơn là chỉ núi Kim Sơn của phường Châu Chử của làng Cư Hóa (sau đổi thành Cư Chánh).

2- Khảo sát điền dã quanh chân núi Kim Sơn để tìm dấu tích lăng mộ bà Chính Cung Hoàng Hậu :

a-Ngôi mộ bà họ Trần, chôn nhờ ở ngôi lăng cổ bị quật phá :

Vùng núi Kim Sơn có lăng Ba Vành, lăng Trung Quân của mẹ Nguyễn Văn Thành, lăng bà Lệnh phi của vua Thiệu Trị...thuộc loại lăng cổ, to lớn.

Sau nhiều lần tìm kiếm ở đồi Thiên An, của vùng núi Kim Sơn, chúng tôi chú ý một ngôi lăng mộ bỏ hoang, lùm bụi phủ kín một diện tích đất đồi đáng kể. Lăng mộ này nằm sát Đan Viện Thiên An, hồ Thủy Tiên và vườn cam Thiên An. Chúng tôi cùng cộng tác viên, được sự hỗ trợ của ông giám đốc khu giải trí Thủy Tiên, đã phát quang lăng mộ này để nghiên cứu.



Cảnh hoang tàn của ngôi mộ bà họ Trần, chánh thất của vị Hoàng Thân tước Công thuộc dòng Bình Phú được đưa vào địa cuộc Kim Sơn để táng vào năm Khải Định thứ 3 [1918], trên cơ sở tận dụng đá dinking vữa của một ngôi lăng hoang phế có tuổi ngang với tuổi của lăng Ba Vành .Ở đây phát hiện được gạch bìa đồng đại với gạch ở Lăng Ba Vành .

Sau khi phát quang mới phát hiện rằng ngôi lăng mộ này cũng có ba uynh thành :

*Thành ngoài xây bằng đá đã bị lấy hết. Tuy nhiên cây bụi theo vết uynh thành cũ để mọc, nên giúp hình dung uynh thành xưa có hình ellip, kiểu kiêu ngạo. Hai bà lão của làng Cư Chánh, kiêm củi gần lăng, cho chúng tôi biết, ngày các cụ còn trẻ, từng thấy uynh thành ngoài xây bằng đá và cổng lăng rất to. Di vật của cổng lăng xây bằng đá là những tảng đá lớn còn nằm lẫn lóc trước mộ hoang phế. Nhân viên phụ trách cây xanh của khu giải trí Thủy Tiên có lập một vườn ươm nhỏ trước lăng, họ đã tận dụng đá của thành ngoài để chắt thành những gờ đá để giới hạn khu vực ươm cây.



Bà lão kiểm củi gần mộ có uynh thành bị lấy hết đá

*Uynh thành thứ hai hình vuông, cũng chất bằng đá, với những viên đá còn dính những lớp vữa cổ, hồ lớn, không đều cho thấy ngôi lăng cổ đã bị biến dạng rất nhiều. Người ta đã tận dụng đá của uynh thành thứ hai, cổ và đổ nát, để chất thành uynh thành thứ hai mới. Chỉ cần quan sát dấu vết móng của uynh thành hai này, có dạng kiềng ngựa, biết người sau đã biến cong thành thẳng cho phù hợp qui định của triều Nguyễn.

*Uynh trong cùng xây bằng đá và có đắp vữa thành hai con cù cách điệu. Giữa hai uynh thành trong và uynh thành giữa có trảng nền bằng vữa cổ. Một điều khác thường là hai con cù bao quanh nằm mộ tròn, đắp bằng đất, chứ không được phủ bằng bê tông.



Ảnh chụp uynh thành 2, chất bằng đá lấy từ uynh thành hai cũ.

Một cái bia ghè đều bằng đá granit quá thô thiển. Chữ Hán khắc bia rất vụng về. Chính giữa bia được khắc dòng chữ Hán vụng về : “ BÌNH PHÚ TỤC HOÀNG THÂN CÔNG CHÁNH THẮT TRẦN THỊ TÂM MỘ”, dòng lạc khoản bên phải : “ KHẢI ĐỊNH TAM NIÊN”. Con cháu vị hoàng thân tước công, có vợ chính là bà họ Trần, thừa biết luật lệ an táng những vị được phong tước thuộc hoàng tộc triều Nguyễn, không thể an táng sơ sài bà cố hoặc bà nội hoặc thân mẫu của mình như thế. Chưa kể đặt địa la để xem hướng mộ thì thấy bia, cổng mộ lệch

hướng nhếch nhác. Chúng tôi phát hiện loại gạch bìa nơi này rất giống gạch bìa ở Lăng Ba Vành, núi Bân, đàn Phương Trạch Tây sơn, ... ở lăng cổ này. Người đời sau đã lấy gần hết gạch bìa ở lăng mộ này. Ngôi mộ bị bỏ hoang phế, không ai đoái hoài, có người vào trồng chuối la liệt. Chúng tôi tạm gọi ngôi mộ này là « **mộ bà họ Trần** ».



**Ảnh chụp vị trí đặt bìa của ngôi mộ, quá nhếch nhác,
không đúng điển lễ của vua chúa triều Nguyễn.**

Ở mộ bà họ Trần cũng có gạch bìa mỏng 14cmx12cmx3cm như ở lăng Ba Vành. Tuy nhiên số lượng rất ít, vì người đời sau đã lấy gần hết để làm việc khác. Cha Romain Guillauma, một đan sĩ người Pháp, quyết định lập đan viện Thiên An vào tháng 3-1939. Ban đầu đan viện Thiên An gặp nhiều rất khó khăn trong sinh hoạt. Ngôi nhà đầu tiên là nhà tranh được dựng với vật liệu khai thác tại chỗ, gần chân đồi Đức Mẹ. Dựng xong thì cha Romain cử hành thánh lễ đầu tiên ngày 10-6-1940. Trong bài “**Lược sử Đan viện Thiên An**”(NVHBT, 22-03-08) có đoạn: “*Trong 3 năm đầu mọi người đều sống ở ngôi nhà tranh. Và vào những lúc trời mưa, cóc, nhái, rắn rết thích đi tản vào nhà sống chung với người, lắm lúc chui vào tạm trú trong giày dép làm các thân chủ lắm khi phải nhảy dựng lên khi buổi đêm dậy đọc kinh đêm, hay buổi sáng thức dậy xỏ chân ngay vào giày hoặc dép. Ngày 23-10-1943, làm phép và khánh thành nhà nguyện và ngôi nhà ở 3 tầng, có 28 phòng. **Đa số vật liệu xây cất 2 ngôi nhà này được khai thác tại chỗ: đá, gỗ thông và gạch.** Hai tầng lầu để ở, còn tầng trệt làm phòng cơm”*. Không thể trồng thông 3 năm mà khai thác để làm cột nhà và không có lò sản xuất gạch với kích thước như kích thước ở lăng Ba Vành, mộ bà họ Trần. Phải chăng các thầy của Đan Viện Thiên An từng khai thác gỗ thông, gạch tại chỗ để xây cất 2 ngôi nhà từ quần thể của công trình hoang phế, trong đó lăng Ba Vành, lăng cổ có mộ bà họ Trần và nhà hộ lăng chung của hai lăng không ?



Một mẫu gạch bia ở lăng Thủy Tiên, giống gạch Tây Sơn ở đền Viên Khâu Tây Sơn ở Phú Xuân, gạch ở Đền Phương Trạch Tây Sơn ở Phú Xuân. Ở lăng Thủy Tiên, gạch này đã bị lấy sạch.

Dấu niên đại lập bia là đầu thế kỷ 20, thời vua Khải Định năm thứ 3(1918), nhưng sự có mặt của thứ hồ vữa cổ, vài mảnh gạch bia rất giống gạch bia ở lăng Ba Vành, nắm mộ tròn, đắp bằng đất, chứ không được phủ bằng bê tông...là bằng chứng ngôi mộ bà họ Trần là ngôi mộ chôn sau, trên nền một ngôi lăng cổ đồng đại với lăng Ba Vành (?)...Để tiện trình bày, chúng tôi tạm gọi công trình tiền thân của ngôi mộ bà họ Trần là « **lăng Thủy Tiên** ». Do những dấu hiệu đáng ngờ trên thực địa vừa nêu buộc chúng tôi phải điều tra nguồn gốc của ngôi mộ kỳ lạ này.



Bộ sưu tập gạch qua các thời ở Huế

b-Phu nhân họ Trần, vợ chính của hoàng thân Bình Phú công, là ai ?

Triều Nguyễn có **Tôn Nhân Phủ** chuyên lo nhiều việc của hoàng tộc Nguyễn, trong đó có việc tổ chức ghi chép ngọc phả của triều Nguyễn. Những hoàng tử được phong tước vương, công ...và những bà vợ chánh của họ thì không thể chép sót ! Chúng tôi tra cứu **Nguyễn Phúc tộc thế phả** không tìm thấy một vị hoàng tử, hoàng thân nào là con vua Gia Long hoặc con vua Minh Mạng hoặc con vua Thiệu Trị, tước BÌNH PHÚ CÔNG và có vợ chính họ Trần. Hơn nữa với hiện trạng ngôi mộ bà họ Trần, chôn nhờ ở một ngôi lăng bỏ hoang, khoảng năm 1918, chắc chắn gia đình của vị hoàng thân này phải nghèo, thậm chí phạm trọng tội, nên không được Tôn Nhân Phủ triều Nguyễn quan tâm việc an táng phu nhân của ông.

Chỉ có hoàng tử thứ 6, con vua Minh Mạng là Nguyễn Phúc Miên Áo, từng được phong PHÚ BÌNH CÔNG và về sau được truy phong PHÚ BÌNH QUẬN VƯƠNG. Chúng tôi cũng được biết nhà báo Vĩnh Quyền là hậu duệ của Phú Bình Vương, nên qua một bài viết của nhà báo Vĩnh Quyền, chúng tôi tìm về phố Gia Hội để nghiên cứu phủ của ngài Miên Áo. Rất tiếc phủ đã bị xuống cấp nghiêm trọng. May mắn được một bà trong phủ cũ cho biết “Châu Khuê biệt thự”, ở số 2/305 đường Nguyễn Sinh Cung, phường Vỹ Dạ, Huế, đúng là nơi thờ Phú Bình Quận Vương và bà chánh thất Vũ Thị Trinh. Châu Khuê biệt thự là nhà riêng của Thượng thư Bộ Lễ Ứng Đồng, con ngài Hồng Vinh, của triều Khải Định. Do phủ Phú Bình xuống cấp, nên con cháu thuộc phủ đồng ý rước bài vị ngài Phú Bình quận vương và bà chánh thất Vũ Thị Trinh về thờ ở Châu Khuê biệt thự. Hiện nay hậu duệ là các anh Bảo Dũng, Bảo Tuấn đang sống ở Châu Khuê biệt thự để lo phụng tự.



Bức hoành « Phú Bình Quận Vương... » được tôn trí ở gian thờ thuộc Châu Khuê biệt thự

Chúng tôi theo anh Bảo Tuấn lên Dương Xuân viếng mộ của Phú Bình Quận Vương và phu nhân Vũ Thị Trinh, ở gần nhà máy rượu Sake của Nhật Bản.

Phú Bình Quận Vương từng có tẩm mộ ở Dương Xuân, đúng qui cách về tẩm mộ của các thân vương, công chúa, ... triều Nguyễn. Cụ thể uynh thành trong và uynh thành ngoài đều hình chữ nhật. Liếp mộ cũng hình chữ nhật. Có một cổng vòm và một nhà bia trong đó bia tạc bằng đá Thanh... Ở giữa có khắc chìm dòng chữ Hán : « PHÚ BÌNH QUẬN VƯƠNG... ». Đặc biệt trên tẩm của ngài Miên Áo lại có tẩm đá Thanh đã bị bể đôi, vẫn còn đọc được PHÚ BÌNH...được khắc bằng chữ Hán.



Ảnh chụp vệ tinh khu vực có tằm mộ của Phú Bình Vương Miên Áo và bà chánh thất Vũ Thị Trinh



Cổng vào tằm của Phú Bình Vương



Bia đá Thanh ở tằm của Phú Bình Vương Miên Áo

Cách tằm của Phú Bình Quận Vương khoảng hai chục mét có tằm của chánh thất Vũ Thị Trinh, vợ chính của Phú Bình Quận Vương. Mộ bà chánh thất họ Vũ này nhỏ hơn, có nhà bia phía trước. Bia làm bằng đá Thanh, có đầu triện, tai bia, đế bia đằng hoàng...đúng tằm vóc của một bà chánh thất, vợ của một vị hoàng thân, em của vua Thiệu Trị. Chúng tôi so sánh ngôi mộ bà họ Trần ở đồi Thiên An với ngôi tằm của bà chánh thất Vũ Thị Trinh, nhân vật hoàng tộc có

thật, thấy sự chênh lệch quá lớn về qui mô, điển lễ. Càng so sánh thì chúng tôi càng nghi ngờ tính chân thực của ngôi mộ bà họ Trần ở đồi Thiên An .



Anh Bảo Tuấn, hậu duệ của Phú Bình Vương đang chiêm bái trước nhà bia của mộ bà chánh thất Vũ Thị Trinh của Phú Bình Vương



Bia thờ bà chánh thất Vũ Thị Trinh, đúng qui cách điển lễ của triều Nguyễn

c-Làm bia giả ở lăng Thủy Tiên để chôn nhờ hay tạo mộ giả để đánh lạc hướng ?

Khi dựng ngôi mộ bà họ Trần, người xưa đã làm thay đổi « hiện trường » rất nhiều, nhưng dấu vết còn lại trên thực địa, cho thấy tiền thân của nó , **lăng Thủy Tiên**, là một lăng mộ bề thế, gồm có ba uynh thành xây đá. Lăng Thủy Tiên từng bị bỏ hoang, không còn hài cốt của chủ nhân đầu. Đến năm 1918, Khải Định năm thứ ba, người ta mới đưa chủ nhân mới, là phu nhân họ Trần, của Bình Phú Công, vào chôn nhờ ở ngôi **lăng Thủy Tiên** đã bị bỏ hoang này. Con cháu Bình Phú Công, một vị hoàng thân triều Nguyễn, đưa vợ chính của ông vào chôn nhờ ở một ngôi lăng bỏ hoang, là một việc quá bất thường, chưa kể quá táo bạo.

Hiện tượng đưa thân nhân vào chôn nhờ ở một lăng hoang phế cũng từng xảy ra trước năm 1918 ở đồi Thiên An của vùng núi Kim Sơn, dù hiếm. Gần lăng Thủy Tiên có ngôi lăng cũng bị bỏ hoang, đó là lăng Ba Vành. Vào năm 1917, có quan Hồng Lô Tự Khanh Vũ Bá Khương, thuộc Cơ mật viện triều Nguyễn, nghe lời một thầy địa, đã bí mật dời hài cốt thân phụ Vũ Bá Bình của ông từ mộ địa gần dân Nam Giao vào chôn ở lăng Ba Vành. Do ông Án Chất,

thông gia của Vũ Bá Khương, tố cáo, suýt bị bộ Hình xếp vào trọng án, Vũ Bá Khương vội vàng đòi hải cốt ông Vũ Bá Bình ra khỏi lăng Ba Vành và nhờ người con trưởng là quan Hàn lâm biên tu Vũ Bá Đạm chạy án. Vũ Bá Đạm nhờ những người bạn Pháp ở tòa Khâm Sứ can thiệp, nên triều đình vua Khải Định bỏ qua không truy cứu. Tuy nhiên do lo sợ và ân hận, ông Vũ Bá Khương đã làm đàn chay để tạ lỗi và trong khi hành lễ ở nhà riêng ở La Y (Phú Vang), bị trúng gió, té nặng và qua đời năm 1917. Thế nhưng trên bia của ngôi mộ giả, tận dụng bia phụng lập của lăng cô, người ta khắc « Vũ Bá Đạm phụng lập » để lái dòng lạc khoản « Nhâm Tuất mạnh đông » (tháng 11 năm 1802) về tháng 11 năm 1922. Sau năm 1917, con cháu Vũ Bá Khương không dám lui tới ở vùng đồi Thiên An, can cơ gì mà Hàn Lâm biên tu Vũ Bá Đạm lại khắc tên mình trên bia cô vào năm 1922 !

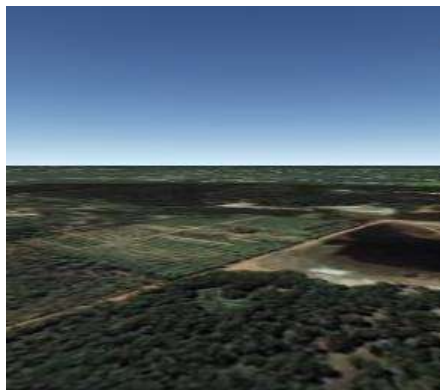
Vùng núi Kim Sơn có đồi Thiên An, với những cuộc đất tốt, xem như vùng đất cấm của triều Nguyễn thế thì tại sao có thân nhân của Bình Phú Công đưa thân nhân là bà vợ chính họ Trần của Bình Phú Công, vào chôn nhờ ở một ngôi lăng bỏ hoang, ở cuộc đất bị cấm ? Cứ cho thân nhân của Bình Phú Công quá nghèo, không đủ tiền lo tẩm mộ của phu nhân họ Trần nên đã tận dụng đá, bia, của ngôi lăng bỏ hoang để xây tẩm cho bà họ Trần, nhưng không thể làm qua loa như hiện trạng ngôi mộ. Muốn vào chôn ở đây phải có sự đồng ý của Tôn Nhân Phủ triều Nguyễn, mà đã được cơ quan này đồng ý thì sẽ được cấp tiền bạc để chôn cất nghiêm túc, đúng qui định tẩm mộ của thân vương hoàng tử công chúa phu nhân... Như vậy « mộ bà họ Trần » chỉ là **ngôi mộ giả** như ngôi mộ giả ở lăng Ba Vành mà thôi ! Tại sao ngôi lăng Thủy Tiên, tiền thân của mộ bà họ Trần, có chủ nhân là ai mà người đời sau phải tốn công đánh lạc hướng khi tạo ra một hoàng thân Bình Phú Công?

IV. Phải chăng tiền thân của ngôi mộ Thủy Tiên là lăng mộ bị quật phá của bà Chính Cung hoàng hậu ?

Chúng tôi đặt vấn đề như trên với những lý do sau:

1-Lăng Thủy Tiên là lăng to, có dấu tích bị trị tội:

Về kích thước khảo được trên thực địa thì lăng cô Thủy Tiên có bình đồ ellip, trục nhỏ khoảng 30 mét, trục lớn khoảng 40 mét, gồm có 3 uynh thành xây bằng đá có vữa vôi mật làm chất kết dính. Uynh thành ngoài kiểu kiêu ngạo, chấm dứt bằng hai trụ cổng. Dấu tích còn lại cho thấy hai trụ cổng cách nhau khoảng 5m. Như thế có thể suy đoán lăng Thủy Tiên phải có cổng tam quan, vì nếu cổng lăng một cửa, với 5 m bề ngang thì cổng quá rộng, không mỹ thuật và khó tạo tác. Hơn nữa, theo lệ bất thành văn, chỉ có lăng hoàng đế hay hoàng hậu có con trai được lên ngôi hoàng đế mới dựng cổng tam quan ở lăng. Uynh thành thứ hai cũng xây bằng đá, nửa vòng kiềng, trên một nền nửa hình ellip, có tráng vôi vữa. Uynh thành trong thể hiện hai con cù, **nhưng con cù phải thì tương đối nguyên vẹn, còn con cù trái cũng bị chặt đầu**. Đã là lăng mộ lớn, có uynh trong đắp vữa thành hai con cù thì người xưa không thể để **nấm đất**. Vậy có thể đoán lăng Thủy Tiên từng có nấm đắp vôi vữa. Tất nhiên nấm đã bị phá hủy bởi người đời sau.



Lăng Thủy Tiên trên đồi, nhìn từ phía sau.



Đầu củ phải ở uỳnh trong mới bị đập vỡ



Đầu củ bên trái ở uỳnh trong bị đập vỡ từ lâu

2-Bia thờ đã mất, về sau người ta sửa bia ghi năm phụng lập, có dấu trị tội thành bia thờ của bà họ Trần.



*Ảnh chụp tấm bia thẻ nhỏ (4,5dm x 8dm), đá granit như bia phụng lập của lăng Ba Vành
Nhưng có khắc niên đại lập bia **KHÁI ĐỊNH TAM NIÊN [1918]**.
Dòng chính giữa : “ **BÌNH PHÚ TỤC HOÀNG THÂN CÔNG CHÁNH THẤT TRẦN THỊ TÂM MỘ**”*

Tấm bia thẻ bằng đá granit với kích thước 45cmx80cm có dấu hiệu tận dụng tấm bia ghi niên đại phụng lập ngôi lăng Thủy Tiên có trước. Sờ vào mặt bia thì thấy không phẳng mà hơi bị lõm, chứng tỏ người đời sau, khoảng 1918, đã gọt đi dòng văn khắc năm phụng lập của lăng cổ để khắc lại dòng chữ “ BÌNH PHÚ TỤC HOÀNG THÂN CÔNG...” cho mộ bà họ Trần. Coi ảnh chụp tấm bia này, quý độc giả thấy góc trái của bia bị đục theo kiểu chém như ở bia ghi năm phụng lập của lăng Ba Vành. Một lăng to như lăng Thủy Tiên phải có một bia thờ lớn, tôn trí trong một nhà bia. Như thế lăng này còn có một nhà bia với bia thờ ở bên phải và tất nhiên đã bị hủy. Từ trong nấm mộ, nhìn ra trước lăng, phía phải, ngang với nấm mộ, giữa uynh thành giữa và uynh thành ngoài, có một nền đá, đã bị lấy đá để làm nền một chuồng bò gần cổng lăng.

3-Lăng Thủy Tiên nằm ở khu vực bị cấm và hậu vận giống lăng Ba Vành .

Cuộc đất Kim Sơn, có khe Châu Ê và đồi Thiên An là vùng đất cấm của triều Nguyễn. Trừ lăng vua Thiệu Trị, lăng bà Lệnh Phi, lăng bà Từ Dũ ở về phía tây của khu vực Kim Sơn hay Thiên An, mới xây dựng vào giữa thế kỷ 19 hoặc lăng bà mẹ của Nguyễn Văn Thành ở phía đông được xây dựng đầu thế kỷ 19. Còn trong khoảng thời gian từ 1802 đến 1810, trung tâm cát địa của vùng Kim Sơn- Châu Ê, chỉ có có hai lăng cổ, lớn hơn lăng các chúa Nguyễn, đó là lăng Ba Vành và lăng Thủy Tiên. Cuộc đất cấm này là một vùng đồi núi nhấp nhô nằm trong quần sơn Kim Sơn. Đã là vùng cấm, tất khu vực này có vấn đề, trong đó có những địa cuộc đế vương. Tại sao, có hai lăng được dựng ở đây, thầy địa tầm long điểm huyệt hai lăng này, biết huyệt đế vương, tại sao không báo cho triều đình chúa Nguyễn ? Để minh chứng vùng đất Kim Sơn – Châu Ê bị cấm, chúng tôi trích lại một đoạn trong bài « **Lăng Ba Vành dưới góc nhìn phong thủy** » :

« Tháng giêng năm Canh Ngọ [1810] thân mẫu Nguyễn Văn Thành mất , ông Thành liền dâng sớ xin đưa linh cửu mẹ về táng ở quê nhà , vua chấp thuận. Nhưng tháng ba năm ấy , từ Bắc thành về kinh đô , ông vào bái yết nhà vua , được nhà vua ân cần hỏi han , an ủi khá lâu và ban 500 quan tiền , 200 cân sáp ong để lo mai táng Trần phu nhân. Biết nhà vua thương gia đình ông, Nguyễn Văn Thành liền nói thật ý mình , muốn đưa thân mẫu về táng ở Bình Hoà (nay là Ninh Hòa , Phú Yên). Vua Gia Long ngăn lại khi nói : **“Cáo chết quay đầu về núi là việc lễ đó. Làng Bác Vọng, phủ Triệu Phong là tổ quán của khanh , sao không táng ở đó ?”**. Nguyễn Văn Thành lạy tạ xin vâng mệnh. Thế nhưng , do ông chủ quan về “ quan hệ thân thiết” của cha con ông với vua trong những ngày còn gian khổ , bất chấp lời răn của vua , ông tìm được huyệt đất tốt trên vùng gò thấp có khe Châu Ê , phía đông Kim Sơn (dân gian gọi là Rú Vựa) và táng thân mẫu ông ở đó. Việc làm này trái ý vua , lại không giữ ý giữ lời làm hoàng gia và triều thần thêm ngờ vực ông. Tháng 8 năm Tân Mùi [2-10-1811] thân mẫu của vua Gia Long mất , hưởng thọ 74 tuổi, thụy hiệu Hiếu Khang Hoàng Hậu. Linh cửu bà Hiếu Khang được quàng ở kinh thành trong 7 tháng và vào chiều ngày 21 tháng 5 năm 1812, sau đại lễ cầu siêu được tổ chức ở chùa Thiên Mụ bà được an táng ở vùng núi xã Định Môn và lăng gọi là LĂNG THOẠI THÁNH. Trong khoảng thời gian tổ chức an táng bà Hiếu Khang thì Nguyễn Văn Thành đã làm phật ý vua. Sử chép, sau khi bà Hiếu Khang mất , vua Gia Long **“Lấy Tổng Phước Lương và Lê Quang Định sung sơn lăng sứ, sai cùng Trịnh Hiến và Lê Duy Thanh , xem chọn kiếu đất đẹp cho sơn lăng. Duy Thanh vẽ đồ dâng (thuộc xã Định Môn). Sai bói thì tốt . Vua bèn đến xem”** (ĐNTLTB). Khoảng tháng 3 năm 1812 (Nhâm Thân) vua Gia Long lên công trường xây dựng sơn lăng để thăm , có Hoàng tử Nguyễn Phúc Đảm (về sau là vua Minh Mạng) và các đại thần theo hầu . **“Khi khai huyệt thấy có đất ngũ sắc vua Gia Long mừng được điềm tốt. Bầy tôi chúc mừng vua, chỉ riêng ông Nguyễn Văn Thành im lặng. Vua hỏi duyên cớ vì sao có thái độ như thế ?”** Thành vội tâu: **“Đất ấy chưa đủ tốt lắm . Mộ mẹ thần cũng có đất ngũ sắc , mà sắc coi còn tươi nhuận , có thể tốt hơn đất này”**. Nhà vua im lặng và các vị đại thần khác tỏ ý bất bình . Nguyễn Văn Thành lại nói thêm : **“Gần đây , xứ Châu Ê , có một kiếu đất rất tốt”**. Phạm Văn Nhân và các bầy tôi khác đều hỏi : **“ Đã biết có đất tốt sao không tâu cho vua nghe”**. Nguyễn Văn Thành chống chế : **“Đất ấy tuy tốt nhưng không thể táng được, táng đấy hẳn lại bị sét đánh”**. Nhà vua nghe Thành nói lấy làm phật ý. Hoàng tử Đảm quay lại trách cứ Nguyễn Văn Thành : **“Tây Sơn là bọn tiếm ngụy, tất gặp vạ sét đánh, còn nay đòi thánh mình , được trời giúp đỡ. Đứng trước mặt vua sao ông vội nói những câu như thế ?”**.

Cuộc đối thoại giữa nhà vua , hoàng tử Đảm , các bầy tôi vừa nêu là một bằng chứng cho thấy vùng Kim Sơn-Châu Ê có những huyệt đất tốt. Sau này vua Thiệu Trị, vua Khải Định cũng được táng ở vùng này. Vùng đất này gần kinh thành nhưng thầy địa lý giỏi như Lê Duy Thanh , con trai của Lê Quý Đôn, cũng ngại khi không tìm huyệt mộ ở đó cho bà Hiếu Khang. Chỉ có Nguyễn Văn Thành quá tự tin về hai đời công thần của triều Nguyễn, đã đưa thân mẫu vào chôn ở vùng đất tế nhị , nhạy cảm. Nguyễn Văn Thành rất sợ ý khi chôn đất ngũ sắc ở huyệt mộ của bà Hiếu Khang, mẹ vua Gia Long, ở Định Môn mà lại khen đất ngũ sắc ở Châu Ê . Đã thế khi bị chất vấn thì Nguyễn Văn Thành dọa vạ sét đánh ở Châu Ê; để hoàng tử Đảm rất tự ái khi liên tưởng đến Tây Sơn. Câu nói bất ngờ , đầy tự ái của Nguyễn Phúc Đảm khi trách cứ sự vô ý và khiếm lễ của quan Tổng trấn Bắc Thành trước mặt vua Gia Long làm chúng tôi nghĩ đến một khả năng : Phải chăng ở vùng núi Châu Ê có lăng vua Quang Trung và lăng bà Chính Cung Hoàng Hậu của triều Tây Sơn và đã từng bị “vạ trời đánh”? Dân làng Kim Sơn nhiều người còn biết vùng này hay có người tử nạn vì sét đánh.



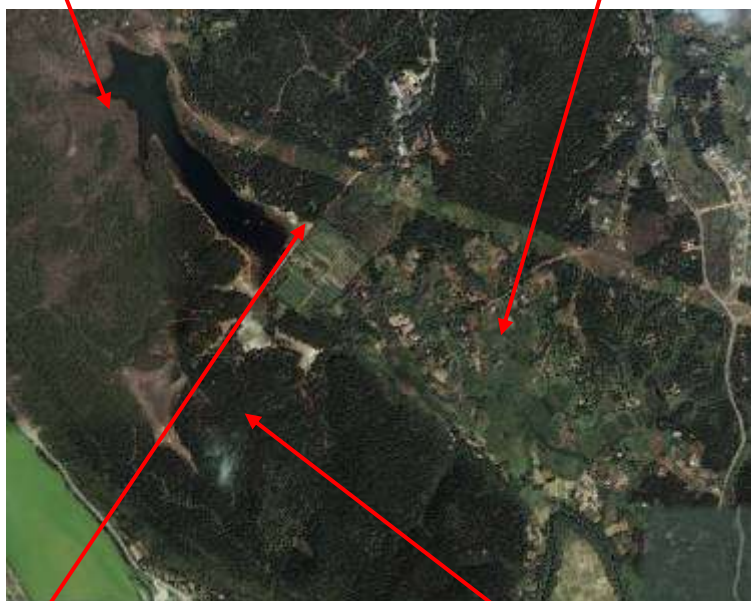
Uyển thành lăng Trung Quân từng bị sét đánh nhiều lần



Cổng lăng của bà Lệnh Phi (vợ vua Thiệu Trị)



Mặt tiền lăng Trung Quân của mẹ Nguyễn Văn Thành





Lăng Thủy Tiên



Lăng Ba Vành

Vùng đất cấm, có nhiều huyệt mộ tốt, có đất ngũ sắc(phát đế vương) (theo Nguyễn Văn Thành), hay bị sét đánh, nơi Nguyễn Văn Thành bị trọng án vì đưa mộ mẹ vào táng, Vũ Bá Khương suýt lâm trọng án vì đưa hài cốt thân phụ vào táng trộm ở huyệt mộ lăng Ba Vành.

4-Nhà Hộ lăng của lăng Thủy Tiên cũng là nhà hộ lăng của lăng Ba Vành và Đan Dương lăng là lăng song táng .

Trong bài viết “**Lăng Ba Vành hội đủ các yếu tố lăng vua**” (Vietsciences,8-4-2009), chúng tôi chứng minh **nhà Quản vụ vườn cam Thiên An** có tiền thân là **nhà hộ lăng** của lăng Ba Vành và cũng là nhà hộ lăng của lăng bà Tả cung họ Phạm, tức bà Chính Cung Hoàng Hậu. Nhà hộ lăng này gần như cách đều Lăng Ba Vành và lăng Thủy Tiên và nó ở vị trí bên tả, phía trước cả hai lăng. Nhà Quản vụ vườn cam Thiên An, được thành lập trên nền móng của một công trình cổ, từng có mặt tại chỗ giếng cổ, những viên đá lát, đá kê cột, chậu cây cảnh, cối đá...tạo tác bằng đá Thanh. Đan viện Thiên An không mua sắm các vật liệu tạo tác bằng đá Thanh như đá lát, đá kê cột, cối đá, chậu kiềng...để sử dụng ở nhà Quản vụ vườn cam, cách Đan Viện khoảng 50m.



Công trình kiến trúc Đan Viện Thiên An



Nhà ban quản vụ vườn cam thuộc Đan viện Thiên An.



Một chậu cây cảnh đặt trên hai tầng đá kê cột đều tạo tác từ đá Thanh.

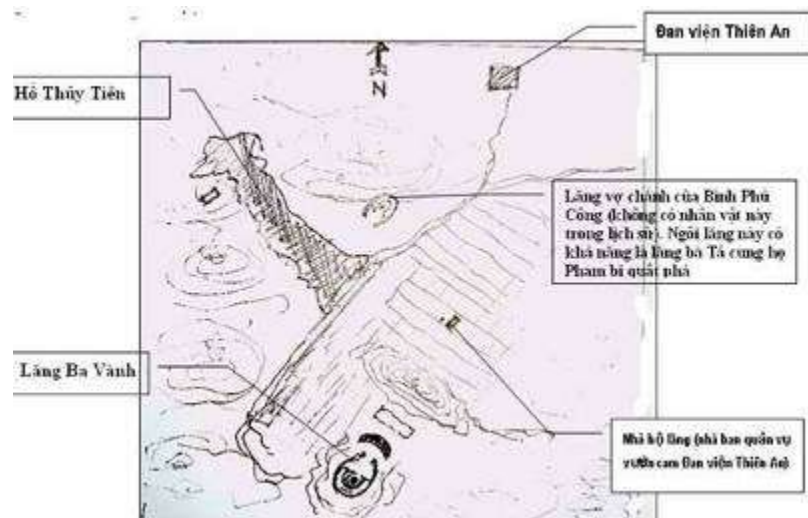


Cái cối đá bị vỡ trong nhà ban Quản vụ vườn cam.

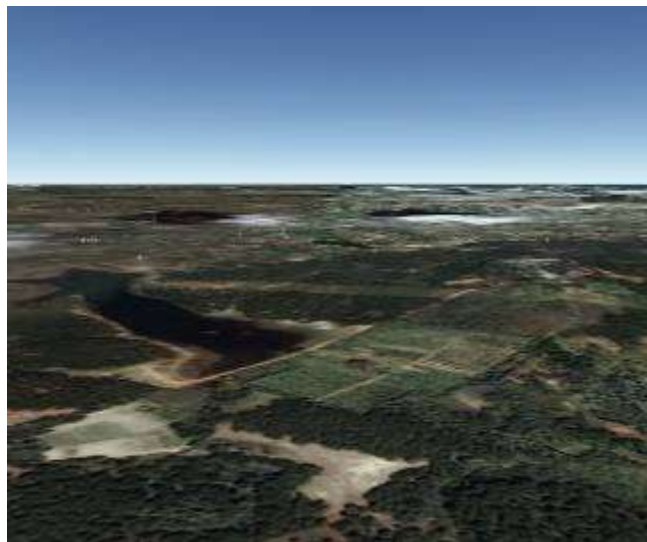


Giếng cổ và cạnh giếng có bể nước, và gần giếng cũng có nhiều đá kê cột làm bằng đá Thanh.

**Vậy tiền thân của nhà quản vụ vườn cam thuộc dòng tu Thiên An là nhà hộ lăng của
lăng Ba Vành và lăng Thủy Tiên .**



Vị trí tương đối của nhà hộ làng đối với làng Ba Vành và làng Thủy Tiên



Vị trí tương đối của làng Thủy Tiên, làng Ba Vành, nhà Hộ làng chung

Năm 2007, chúng tôi phát hiện trên đường sát bờ rào phía đông của vườn cam, trong sân trước của nhà Quản lý vườn cam Thiên An có những **mảnh gạch bìa giống gạch bìa của làng Ba Vành, ở Gò Viên Khâu Tây Sơn (Núi bân), ở Đan Phương Trạch Tây Sơn (sau chùa Thiên Mục), ở Học Cung Long Hồ (do Tây Sơn mở rộng Văn Miếu Long hồ)....** Tín hiệu này, thôi thúc chúng tôi phải tìm gặp các thầy đang tu học và đang lao động ở vườn cam để hỏi. Nhóm chúng tôi gồm có Trần Viết Điền, Trần Viết Hòa đã gặp thầy Phan Quang Hoàn của Đan viên Thiên An đang đi dạo bên hồ Thủy Tiên, gần Đan viện. Chúng tôi được thầy Phan Quang

Hoành đưa vào nhà Quản vụ, gặp thầy Đoàn Tiến An, phụ trách vườn cam và các thầy đã nhiệt tình cho phép chúng tôi vào nhà Quản vụ để nói chuyện khi biết chúng tôi từng lên lăng Ba Vành nghiên cứu trong 25 năm. Trong câu chuyện, biết chúng tôi đến đây với mục đích nghiên cứu khoa học, không liên quan những việc thương thảo về đất đai giữa xã Thủy Bằng với Đan Viện Thiên An, nên quản vụ vườn cam Đoàn Tiến An và thầy Phan Quang Hoành vui vẻ trả lời những thắc mắc của chúng tôi quanh lịch sử Đan Viện Thiên An nói chung và vườn cam nói riêng.



Thầy Phan Quang Hoành và Trần Viết Điền đang trao đổi về lịch sử vườn cam

Hai thầy không biết nguồn gốc những di vật bằng đá Thanh nêu trên, khi các thầy ở Đan viện vào xây dựng nhà Quản Vụ thì đã gặp những di vật ấy nằm ngổn ngang trên đất và dưới lòng đất... Ở nhà Quản vụ có mặt loại bờ lô do nhà máy vôi Long Thọ sản xuất vào thời Pháp thuộc và thời tổng thống Ngô Đình Diệm. Đan viện Thiên An không sản xuất loại gạch bìa có kích thước, chất liệu như gạch ở lăng Ba Vành. Hỏi về giếng nước trong khuôn viên của nhà Quản vụ, các thầy cho biết giếng nước thuộc loại giếng rất cổ, xây đá... Nhà Quản vụ sử dụng giếng cổ, cho nạo vét và tôn tạo bằng xi măng một phần... Như vậy nhà Quản vụ vườn cam Thiên An được dựng trên nền cũ của phế tích nhà Hộ lăng của hai lăng cổ gồm Lăng Ba Vành và Lăng Thủy Tiên, như sau này có Thiên Thụ lăng là lăng mộ của vua Gia Long và Thừa Thiên Cao Hoàng Hậu, chung nhà hộ lăng.

V. Tìm cách kiểm chứng giả thuyết công tác:

Từ những dấu hiệu đáng ngờ của ngôi lăng Thủy Tiên (tiền thân của ngôi mộ phu nhân họ Trần xấu số) với lăng Ba Vành, cả hai lăng đều ở vùng núi Kim Sơn(đất cấm địa của triều Nguyễn) , cũng có 3 uynh thành, bia ghi năm phụng lập lăng cũng làm bằng đá granit, góc trái bị bạt, đầu cù bên trái cũng bị chặt, uynh ngoài có cổng bị phá, nắm mộ bị phá về sau thành mộ đất, cũng vô chủ, không thân nhân đoái hoài...nên chúng tôi đã đặt giả thuyết công tác: **Lăng Thủy Tiên, tiền thân ngôi mộ bà họ Trần , chính là lăng của bà Chính Cung Hoàng Hậu của vua Quang Trung.**

1- Khu giải trí Thủy Tiên thông báo di dời:

Khoảng đầu tháng 10 năm 2009, ban giám đốc khu giải trí Thiên An ra thông báo di dời ngôi mộ bà họ Trần.Chúng tôi đã nhờ một anh nhân viên bảo vệ khu giải trí Thủy Tiên theo dõi việc di dời “mộ bà họ Trần”. Chẳng có thân nhân của bà họ Trần, thuộc hoàng tộc triều

Nguyễn, đứng ra nhận việc di dời ngôi mộ bỏ hoang này. Sự kiện này càng củng cố nhận định :mộ bà họ Trần là mộ giả.

Ngày 20 tháng 10 năm 2009, chúng tôi đưa nhà ngoại cảm Nguyễn Văn Vũ , người Quảng Ngãi, từng tham dự chương trình truyền hình Nhân tài đất Việt về khả năng ngoại cảm, hiện phụ trách một shop trong siêu thị Big-C Huế, lên lăng Ba Vành khảo sát. Khi nhà ngoại cảm ngồi sắp bàn, mắt lim dim để định thần tìm hướng sọ và thần phách vua Quang Trung, chưa có kết quả rõ ràng thì bất ngờ nhà ngoại cảm ra hiệu chúng tôi theo anh, đến một nơi gần lăng Ba Vành. Anh bảo nơi đó có “chìa khóa” để mở bí mật về lăng Ba Vành’(?). Chúng tôi rất ngạc nhiên, liền theo nhà ngoại cảm Nguyễn Văn Vũ qua phía khu giải trí Thủy Tiên, đến trước nhà Quán vự vườn cam Thiên An, nhà ngoại cảm chỉ tay vào đám lùm bụi ở đầu hồ Thủy tiên và đi nhanh vào nơi ấy. Rất đột ngột, nơi anh vào là mộ bà họ Trần.



Nhà ngoại cảm Nguyễn Văn Vũ và cộng tác viên Trần Viết Hòa

Vào khuôn viên mộ mới biết người ta đã di dời “mộ bà họ Trần”. Rất tiếc anh nhân viên bảo vệ, quên số điện thoại của chúng tôi, không thông báo kịp thời, nên chúng tôi không trực tiếp quan sát hoạt động di dời “mộ bà họ Trần”. Trước nấm mộ, có khoảng đất trống của sân bãi đình, còn dấu vết của đèn sập, hoa đã cúng, và một đồng tro đồ mã...chứng tỏ có người đã cúng lễ trước khi dời mộ. Anh nhân viên bảo vệ cho biết ngày hôm trước có bà « Việt kiều » tổ chức cúng kiếng và đã di dời ngôi mộ.



**Sau khi di dời mộ bà họ Trần, trên vạt đất có tiền thân là bãi đình,
còn dấu vết đền sập, tro tàn của đồ mã ...và miệng hố đào còn mới.**

Vào quan sát nấm mộ, chúng tôi thấy người ta đã đào hố huyết, rải rác trên những ụ đất hai bên miệng hố có những miếng nhựa nửa hoạt hóa thành thể rắn, bên trong vẫn còn thể keo. Đặc biệt, chúng tôi phát hiện trong bụi cỏ sát uỳnh trong, một khúc gỗ nâu đen, có dính nhựa ...Sơ bộ có thể đoán miếng gỗ dính nhựa này là một phần sót lại của quách gỗ bọc quan tài.



Hai miếng nhựa trám còn rơi vãi trên miệng hố đào



Mảnh gỗ tạo quách , dính nhựa trám, thu được trong bụi cỏ ở uynh gần hồ đào

Không hiểu sao, người di dời trước khi chấm dứt công việc, lại dùng xuống chân dưới đáy hồ một mảnh hình chữ nhật, như dấu vết của quan tài (?). Còn bia thẻ granit cũng bị di dời và không có một mảnh vôi vữa nào ở hiện trường. Hình như người di dời cho lấy sạch hầu như tất cả di vật, chỉ trơ hồ đào với thành và đáy hồ toàn là đất sỏi (?)

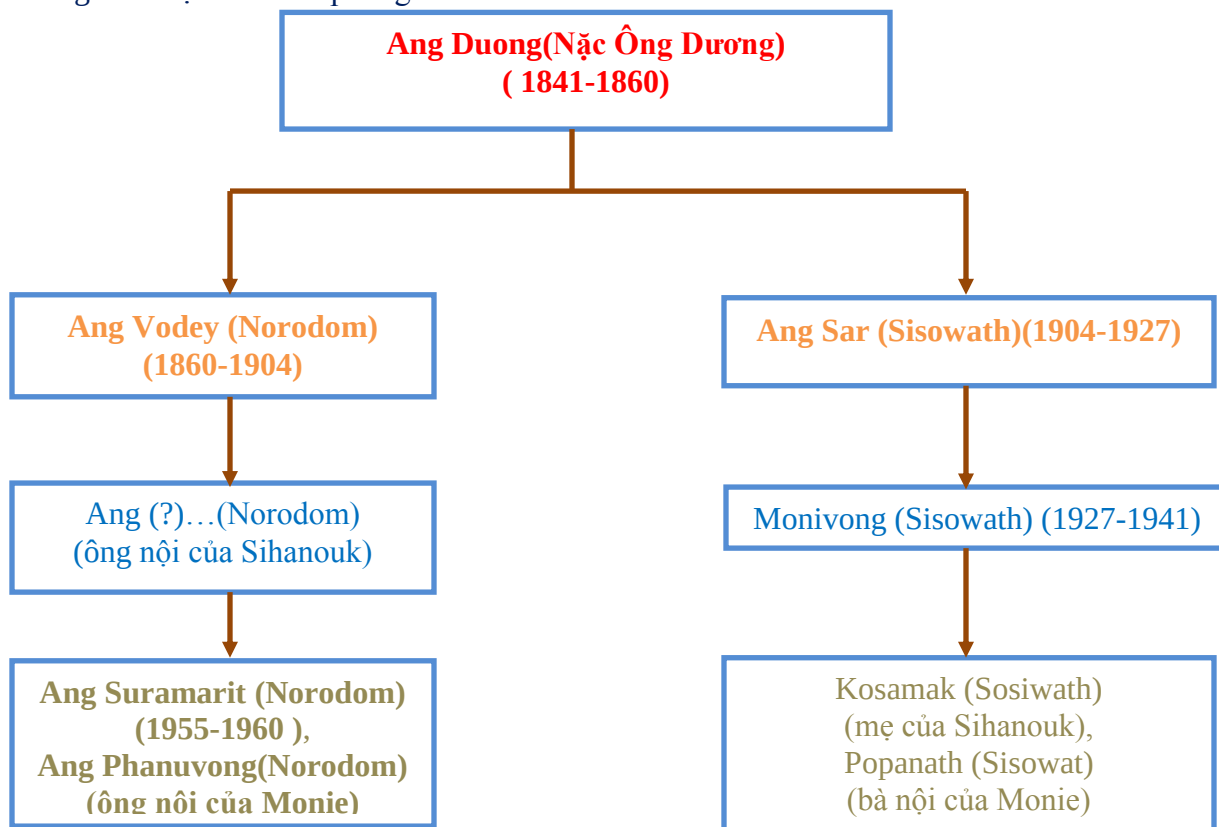
2-Ai đã di dời mộ bà họ Trần? Những di vật còn sót lại trên miệng huyết đã đào bới.

Nhờ tín hiệu « bà Việt kiều » đứng ra di dời, chúng tôi nghĩ đến bà Monie, người đã di dời hàng chục tấm mộ thuộc hoàng tộc, có chủ hoặc vô chủ... Qua thầy Tôn Thất Quý, cựu giảng viên trường ĐHSP Huế, chúng tôi tìm ra nhà của bà Monie ở gần chợ Thông và biết bà có coi sóc quán cơm Liên Hoa, sau Tuệ Tĩnh Đường, thuộc đường Lê Quý Đôn. Cũng nhờ thầy Tôn Thất Quý, được biết bà Monie, người Campuchia, cha là Hoàng thân Norodom Phurissara, mẹ là vương phi (công chúa con vua Thành Thái), ông nội là Norodom Phanuvong (Samdech Krom Prreah), bà nội là công chúa Siowath Popanat. Bà Monie, từ năm 2008 đến nay từng bỏ tiền của và công sức để cải táng, xây mới hàng chục tấm mộ bề thế của hoàng tộc triều Nguyễn ở Huế. Đặc biệt mộ phần của Đệ tam cung hoàng hậu Ngọc Bình ở xứ Châm, gần chùa Huyền Không Sơn Thượng, khi nhà nước giải phóng mặt bằng, mộ bà Ngọc Bình trong diện phải di dời, được bà Monie về Huế, trực tiếp rửa từng lóng xương của bà Ngọc Bình và cúng tiền xây lăng mới cho bà Ngọc Bình vào tháng 6 năm Mậu Tí [2008].



**Ảnh chụp phần còn lại của ngôi mộ bà Lê Thị Ngọc Bình
khi người ta đào đất san lấp mặt bằng ở Châm vào tháng 6-2008.**

Dựa vào thông tin về cha mẹ, ông bà nội do bà Monie tự giới thiệu với thầy Tôn Thất Quý, tra cứu phổ hệ hoàng tộc Norodom của Campuchia, chúng tôi phỏng đoán bà Monie có ông sơ là Ang Duong. Phổ hệ sau chỉ là phỏng đoán :





Mối quan hệ huyết thống của bà Monie với một số nhân vật hoàng gia của Ang Duong
(Ang Sihanouk từng làm vua trước phụ thân Ang Suramarit)

Chúng tôi tìm gặp bà Monie không khó, vì bà đang làm việc ở quán cơm chay Liên Hoa, sát Tuệ Tĩnh Đường. Qua câu chuyện chúng tôi biết bà Monie chính là người đã tổ chức di dời mộ bà họ Trần. Trước khi dời qua địa điểm khác, gần Xương Lăng, bà Monie tổ chức cúng kiếng đàn tràng hoàng. Theo bà Monie thì “mộ bà họ Trần” với di cốt là hàm răng và vài lóng xương tay, chân. Cũng theo bà Monie thì khi khai nấm đất, **lại phát hiện dưới nấm đất có từng mảng vữa cổ, của nấm cũ, nằm lẫn những mảnh nhựa, đất...** Đây là một bằng chứng về “mộ bà họ Trần” được chôn nhờ ở “lăng Thủy Tiên”, và người xưa đã tận dụng đất lẫn giải hạ của “lăng Thủy Tiên”, trong đó có những miếng nhựa nửa hoạt hóa, nửa còn ở thể lỏng sền sệt, để lấp huyết và đắp nấm của mộ bà họ Trần. Rõ ràng “mộ bà họ Trần” không ướp xác nhưng tiền thân của mộ bà họ Trần, lăng Thủy Tiên, là mộ hợp chất có ướp xác vậy.

3-Do khu giải trí Thủy Tiên sẽ xây dựng ở khu vực mộ bà họ Trần đã di dời, buộc chúng tôi xin giấy phép nghiên cứu huyệt đã vét hết di vật.



Sau khi bà Monie đi dòi mộ bà họ Trần, trên vạt đất có tiền thân là bái đình, còn dấu vết đền sập, tro tàn của đồ mã ...một cộng tác viên bước vào uynh thứ hai, chuẩn bị khảo sát

Mặc dầu mộ bà họ Trần đã được bà Monie tổ chức đi dòi, để lại hố đào chỉ toàn đất, nhưng sợ khu giải trí Thủy Tiên sẽ xây dựng ở khu vực có lăng Thủy Tiên một công trình phục vụ giải trí vui chơi, xóa đi di tích, nên chúng tôi nhanh chóng xin giấy phép khảo sát hố đào. Chúng tôi đến khảo sát hố đào ngôi mộ vào ngày hôm sau thì thấy một hố huyệt chỉ toàn đất sỏi lẫn cát pha.



Chúng tôi đánh lễ ở hố đào bỏ hoang, trước khi khảo sát hố huyệt đã đi dòi.

Chúng tôi quyết định xin các anh bảo vệ khu giải trí tiến hành khảo sát ở hố đào. Chúng tôi nhờ anh Nguyễn Văn Thiết, ở đường Xuân Diệu, phường Trường An, Huế, người có nhiều

kinh nghiệm về di dời hài cốt trong việc tìm kiếm thêm di vật . Sau khi thắp hương khấn vái, chúng tôi nhờ anh Thiết dùng cùp để moi phía đằng hạ của hố huyết một lỗ thăm sát, sâu khoảng 15 cm thì lộ ra tầng nhựa cỡ 4 dm, đã hoạt hóa, màu vàng xám, bên trong có dính một khúc gỗ nâu đen (xem hình...)



Anh Nguyễn Văn Thiết đang nhẹ tay xúc từng lớp đất mỏng ở đáy hố, phía hạ



Anh Nguyễn Văn Thuyết dùng cùp để nạy mảng nhựa dính đất ở đầu dưới hố huyết



Anh Thiết phát hiện tảng nhựa có thanh gỗ ở hố đào



Cộng tác viên Nguyễn Hữu Lâm nhẹ tay phủi lớp đất bám vào mặt tảng nhựa hoạt hóa, phát hiện mảnh gỗ nằm giữa tảng nhựa

Mới sâu thêm khoảng 5cm nữa, anh Nguyễn Văn Thiết đã phát hiện tầng hạ của hố huyện được 9 cái đinh sắt cao trung bình 1dm, cắm thẳng đứng như răng lược. Rải rác có vài mẩu đinh sắt ngắn, đó là những cái đinh đóng chặt những tấm gỗ để tạo thành quách bọc quan tài vậy.



Đinh sắt thu nhặt được ở hố đào thám sát ở đầu hạ của hố huyết đã di dời

Chúng tôi tiếp tục lấy hết lớp đất sỏi, với độ sâu ngang bằng độ sâu của 9 đinh sắt thì gặp lớp vôi. Nhẹ tay moi một lỗ qua lớp vôi hào, anh Nguyễn Văn Thiết phát hiện một mảnh vỡ của đồng tiền. Bằng kinh nghiệm của một người chuyên môn di dời mộ thuê, anh hy vọng tìm thêm một số đồng nữa mà không cần phải xáo xới hết lớp vôi hào. Chúng tôi hỏi tại sao, anh nói những đồng tiền ở các vị trí như các lỗ của **tấm ván thất tinh** trong các quan tài cổ. Quả thật anh đã phát hiện được 7 đồng tiền, 5 còn nguyên nhưng 2 đồng đã vỡ dưới lớp vôi có 7 đồng tiền bằng đồng (đính vôi) nằm đúng vị trí của chòm thất tinh.



Anh Nguyễn Văn Thiết nhẹ tay lấy những đồng tiền cổ, sau khi vét hết lớp vôi



Những đồng tiền một mặt dính vôi, được phát hiện dưới lớp vôi hào

6-Thảo luận quanh những di vật:

a-Nhựa trám, nhựa thông là tín hiệu Lăng Thủy Tiên thuộc mộ hợp chất.

Những tảng nhựa nửa vàng nửa trắng, to có nhỏ có, bên ngoài khô và hoạt hóa nhưng bên trong vẫn còn thể lỏng, thoang thoang mùi tinh dầu thông, là một bằng chứng về lăng Thủy Tiên thuộc loại mộ hợp chất, và quan tài nằm trong quách kín, chứa đầy tinh dầu thông. Thật vậy, Quan sát kỹ những tảng nhựa với hai màu rõ rệt, bên ngoài trắng ngà thể rắn, bên trong lại vàng nâu. Nhựa lỏng bên trong lại làm thành dải thẳng màu vàng nâu, có mùi tinh dầu thông, còn nhựa trắng ngà bên ngoài lại rắn, dày, xốp, nhẹ.... Có thể giải thích: Nhựa trám⁽¹⁾ là masticque bọc quách gỗ cho kín. Bên trong quách gỗ kín có quan tài gỗ nằm trong tinh dầu thông lỏng⁽²⁾. Tinh dầu thấm gỗ làm quách, lâu ngày một ít dầu thông rò rỉ qua mộng (dù khít), tiếp xúc lớp nhựa trám (có chế biến) làm thành từng sợi dầu thông nằm trong khối masticque dày. Nhà khảo cổ học Đỗ Đình Truật từng nhầm mắt, ném chất nước đọng dưới đáy quan tài có ướp xác của một mộ hợp chất cổ, ông thấy chất lỏng ấy thơm như nhựa thông. Loại dầu thân mộc này là một yếu tố quan trọng góp phần bảo quản được xác người xưa. Thậm chí những miếng trầu, cau chôn theo hàng trăm năm còn xanh tươi như vẫn có thể dùng được.



Nhựa trám trắng, do toán di dời mộ bà họ Trần đã để lại trên bụi cây gần hồ đào

(1) Trám trắng còn gọi là thanh quả, cà na, cảm lăm, móc cơm, cây bùi. Tên khoa học: *Canarium album* (Lour.) Nhựa trám trắng dùng để chưng cất tinh dầu, chế biến cô lôphan dùng trong công nghệ nước hoa, xà phòng, véc ni làm hương, pha chế sơn và mực in. Mùa cho nhựa nhiều nhất từ tháng 8 cho đến tháng 3 âm lịch năm sau. Thời gian từ tháng 4 đến tháng 7 (âm lịch) cây cho ít nhựa



Cây trám trắng

(2) Các loài thông ở nước ta sinh trưởng nhanh (tăng trưởng bình quân hàng năm 10-15 m³/ ha) và khoảng 25 năm có thể sử dụng để khai thác nhựa. Khi chế biến nhựa thông sẽ thu được khoảng 70% cô lôphan và 20% tinh dầu thông, 10% còn lại là nước và một số tạp chất khác. Dầu thông được dùng trong công nghiệp hóa chất, dược liệu, mỹ phẩm, trong việc chế tạo các loại sơn, véc ni, long nã tổng hợp, xenlulô và tổng hợp nhiều loại chất thơm quý...



Cây thông lấy nhựa



Ông Đỗ Đình Truật với cục tinh dầu đặc lại cùng các chất khác trong quan tài xác ướp - Ảnh: Quốc Việt



Những túi đựng dầu thông màu vàng



Nhựa trám màu trắng chảy từ gốc trám, do công nhân rạch vào gốc



Nhựa thông màu vàng nâu chảy từ gốc trám, do công nhân rạch vào gốc

Vậy sự có mặt những tảng nhựa trám gộc những mảnh gỗ của quách và những sợi tinh dầu thông có mặt khá độc đáo ở huyệt lăng Thủy Tiên là bằng chứng lăng Thủy Tiên là mộ hợp chất, trong quan ngoài quách.

b-Quách của lăng Thủy Tiên tạo bằng gỗ gì ?

Quan tài của vua chúa, hoàng hậu, đại quan cùng các mệnh phụ ngày xưa thường tạo tác bằng gỗ có tinh dầu thơm, phát hương thơm. Ở Huế, những quan tài vừa nêu gọi là “hòm xạ hương”. Có người tưởng “hòm xạ hương” được làm bằng gỗ cây xạ hương. Quả có cây xạ hương nhưng thuộc loại cây thân thảo, chỉ cao khoảng 40 cm, cho tinh dầu thơm, chứ không cho gỗ xạ hương để đóng quan tài! Như thế hòm xạ hương là quan tài đóng bằng gỗ có tinh dầu thơm, tỏa hương thơm. Cây gỗ có tinh dầu thơm, thường dùng để đóng quan tài cho các bậc quyền quý là cây ngọc am (còn gọi là san mộc hay hoàng đàn rũ).



Cây hoàng đàn rũ (ngọc ma)

Dienbatn trong bài “Một chút khái niệm về cây ngọc am và tinh dầu ngọc am” từng viết: “Cây Ngọc Am còn gọi là Hoàng Đàn Rũ thuộc họ Cupressaceae (Cunninghamia hoặc Cupressus). Tên La tinh là Cupressus funebris (Trung Quốc gọi là San Mộc). Cây này nằm trong bộ Thông Pinales , nhưng lại thuộc họ Hoàng Đàn (Cupressaceae) . Cây lớn cao đến khoảng 20 m , thường xuất hiện rải rác ở độ cao 250 - 1.500 m, thường phân bố ở sườn và đỉnh núi đá vôi . Các địa danh có loại cây này xuất hiện như dãy núi Cai Kinh (Lạng Sơn) , Na Hang (Tuyên Quang) , Thạch An (Cao Bằng) . Ngoài ra còn thấy xuất hiện ở miền Trung Việt nam và miền Nam - Trung Quốc . Hoàng Đàn Rũ (Ngọc Am) là cây cho gỗ quý , không bị mối mọt . Gỗ mục có mùi thơm dùng làm hương (nhang) rất tốt . Rễ và cả gỗ thân cây dùng để cất tinh dầu . Cứ khoảng 150 Kg gỗ , cất được 7-8 lít dầu...Trong việc ướp xác , từ xưa người ta thường truyền tụng về tính chất giữ xác ướp được hàng trăm năm của tinh dầu Ngọc Am . Trong các triều đại Phong kiến , có quy định rất rõ ràng đến phẩm bậc nào mới được sử dụng tinh dầu Ngọc Am để ướp xác . Ngày xưa , dưới triều Tự Đức , Quan án Sát tỉnh Quảng Bình là Nguyễn Khắc Nguyên (Người làng Mộng Phụ - Sơn Tây) , vì giữ chức vụ cao tại vùng có nhiều tinh dầu Ngọc Am (Quảng Bình) , nên đã lên dùng tinh dầu Ngọc Am để ướp xác cho mẹ . Việc bị vỡ lở , đến tai Vua Tự Đức , ông bị biếm chức , nhưng vẫn cảm thấy hài lòng. Qua đó chúng ta thấy tinh dầu Ngọc Am có tác dụng như thế nào . PGS.TS NGUYỄN LÂN CƯỜNG cho chúng tôi biết : Những bộ quần áo của xác ướp vườn đào Nhật Tân , khi để vào trong phòng kín , chỉ sau một đêm , tất

cả muối và côn trùng trong phòng chết hết . Điều đó chứng tỏ dầu ngọc am có tính kháng khuẩn và độc tính cao ».

Một thông tin giá trị mà Dienbatn cung cấp là nhà nghiên cứu đã công bố hai bức ảnh tư liệu của PGS.TS Nguyễn Lâm Cường về các thớ gỗ dọc của hoàng đàn rữ và cấu trúc gỗ hoàng đàn rữ dưới kính hiển vi liecadmre :



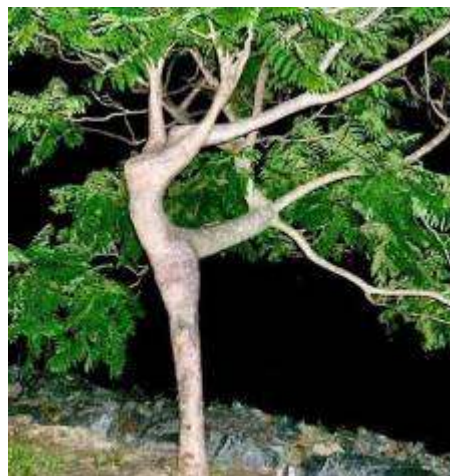
Các thớ gỗ dọc của ngọc ma



Cấu trúc gỗ ngọc ma dưới kính h. vi liecadmre

Khi đã có tư liệu về gỗ ngọc ma nói trên, chúng tôi lấy một mẫu gỗ nhỏ, mỏng từ di vật gỗ trong hai tầng nhựa trám, thu thập được ở hố đào mộ bà họ Trần, chôn nhờ vào lăng Thủy Tiên, soi kính lúp có kết quả giúp khẳng định : Quách của mộ Thủy Tiên làm bằng gỗ ngọc am, phủ ngoài bằng nhựa trám trắng, bên trong có chứa tinh dầu thông.

Có cộng tác viên đặt vấn đề liệu quách mộ Thủy Tiên làm bằng gỗ sưa (tức Huê mộc vàng) hay không ? Chúng tôi thảo luận vấn đề ấy và đều nhất trí mảnh quách thu thập được không phải tạo bởi gỗ sưa, vì theo PGS, Tiến sĩ nhân chủng học Nguyễn Lâm Cường : *“wóp xác là phải cây có tinh dầu thơm, cây sưa không có đặc tính ấy... Gỗ dùng trong các ngôi mộ hợp chất có xác ướp đã được khai quật ở Việt Nam đã xác định là Hoàng đàn rữ, có tên gọi cũ là Ngọc am và tên la tinh là Cupressus funebris (Trung Quốc gọi là San mộc) »*(trích Dienbatn)



Cây sưa



Cây pơ mu

Phải chăng mảnh quách của lăng Thủy Tiên làm bằng gỗ Pơ mu? Gỗ Pơ mu có vân, ở di vật thu được không có vân nên chúng tôi khẳng định gỗ làm quách của lăng Thủy Tiên không phải gỗ Pomu .

c-Đinh sắt thu được có vai trò gì ở đáy hố huyết ?

Khi tìm kiếm di vật ở hố đào, trong những ụ đất do người đào để di dời theo yêu cầu của bà Monie, chúng tôi phát hiện một số đinh sắt dài khoảng 5 cm, tiết diện tròn có, tiết diện vuông có...nằm lẫn trong đất, ngẫu nhiên. Chúng tôi cho rằng đây là đinh đóng quách gỗ ngọc am. Bởi quách dùng mộng ngoàm, chứa tinh dầu giúp chống khuẩn, phải kỵ khí thì chưa bảo đảm; người xưa phải dùng đinh để đóng cho chắc chắn vậy. Báo Bình Định-Văn hóa - Thể thao,11/4/2003 từng công bố ngôi mộ cổ, thời Tây Sơn, tại địa bàn thôn Phú Lạc, xã Bình Thành, huyện Tây Sơn (Bình Định). Ngôi mộ cổ này nằm ở trong khu vực Gò Lãng, phía sau Điện thờ Tây Sơn Tam Kiệt Các nhà khảo cổ từng phát hiện ở mộ cổ này một số đinh sắt và họ cho rằng những đinh sắt ấy có thể để dùng để đóng quan tài.

Khi quyết định đào thêm vài tác thăm dò, sau khi phát hiện những tảng nhựa trám bảm một đoạn gỗ ngọc ma đen nâu, moi thêm khoảng một tác đăng chân của huyết mộ Thủy Tiên thì gặp lớp vôi hào. Dưới lớp vôi hào lại có một số đinh sắt to, tiết diện vuông, cao khoảng 1 tấc. Mặc dầu các đinh có rỉ sét, chúng tôi cũng thu được 9 đinh loại này. Do chúng tập trung phía hạ, lại ở dưới lớp vôi nên vai trò của chúng là để trấn yểm huyết mộ. Anh Nguyễn Văn Thiết cho biết những **người chết trùng, sợ trùng tang liên táng**, người ta thường dùng đinh để hóa giải như vậy.



Đinh to, đinh nhỏ tìm được ở dưới lớp đất của đáy hố huyết đã di dời

Vậy lăng Thủy Tiên có chủ nhân khi mất phạm trùng tang liên táng và người xua đã dùng 9 đinh sắt để khử thần trùng và 9 đinh là chứng tỏ chủ nhân là phụ nữ.

d-Vôi vữa tạo tác nấm và lớp vôi hào dưới đáy huyết:

Khi lần đầu tiếp xúc mộ bà họ Trần , thấy nấm mộ đắp bằng đất, không tương xứng với vẻ bề thế của ngôi mộ với ba uynh thành lớn, nền lát bê tông làm bằng hợp chất quen thuộc ở những ngôi mộ cổ của thế kỷ 17,18,19 , chúng tôi đã có ý nghĩ ngôi mộ bà họ Trần là ngôi mộ chôn nhờ vào một lăng cổ bị hoang phế. Vậy những tảng rời của nấm bê tông (làm bằng vò sò, vò ốc giã thành vôi nhuyễn , chất “phụ gia” gồm mật ong, nhót cây bời lời, dây tơ hồng, dâm bụt, cát và than gỗ tốt để kết dính) của lăng Thủy Tiên biến đi đâu ? Khi gặp bà Monie, hỏi về diễn tiến việc di dời, được bà cho biết khi lấy hết lớp đất trên nấm mộ bà họ Trần thì bà Monie thấy người ta đã tận dụng những tảng rời của nấm bê tông cổ chất vào hố huyết, xen lẫn những tảng nhựa trám. Đây là bằng chứng lăng Thủy Tiên là dạng mộ hợp chất, đã bị quật và người đời sau đã tận dụng lăng Thủy Tiên hoang phế, nhằm đưa bà họ Trần vào chôn nhờ, hoặc có khả năng có người làm mộ giả như đã làm ở lăng Ba Vành để đánh lạc hướng chủ nhân thật của lăng Thủy Tiên.

Còn ở dưới quan quách xưa của lăng Thủy Tiên, người ta rải một lớp vôi hào để hút ẩm và diệt khuẩn, đằng trên 7 đồng tiền sắp theo 7 ngôi sao trong chòm Bắc Đẩu. Dùng 7 đồng tiền sắp theo kiểu « tám thất tinh » dưới lớp vôi hào là một dạng mộ táng độc đáo.



Lớp vôi hào ở đáy huyệt

Ngày xưa, thường khi liệm thầy pháp làm phép phạt mộc, một tay cầm dao, tay kia cầm bó hương, vừa niệm thần chú, vừa quất tháo, vừa chém vào thành áo quan để trừ ma quỷ. Phạt mộc xong, thầy pháp đặt vào trong quan tài một **tấm ván thất tinh**, đục 7 lỗ thành hình chòm sao Bắc Đẩu. Người nghèo khi liệm thân nhân thì chỉ vẽ chòm sao Bắc Đẩu lên một mảnh giấy. Theo quan niệm của Đạo giáo các vị thần Nam Tào và Bắc Đẩu, hai vị thần chuyên ghi chép và kiểm soát sổ sinh, sổ tử của loài người. Chòm sao thất tinh tượng trưng cho thần Bắc Đẩu. Bỏ tấm ván thất tinh vào trong quan tài, người ta hi vọng rằng linh hồn người chết sẽ được vị thần giữ sổ tử che chở. Thực tế tấm thất tinh này còn có tác dụng thoát nước xuống lớp hút ẩm (gạo rang, giấy bồi, lá chuối khô...) bên dưới để bảo quản thi hài.

e-Về các đồng tiền cổ ở lăng Thủy Tiên:

Bảy đồng tiền cổ, nằm dưới lớp vôi hào, đúng vị trí các sao của chòm sao Bắc Đẩu, ở hố huyệt của lăng Thủy Tiên, thay ván Thất tinh, là một dạng mộ táng độc đáo, hiếm thấy. Hình thức này cũng nhằm che chở linh hồn chủ nhân ngôi mộ bằng chòm sao Bắc Đẩu, đồng thời cũng góp phần với lớp vôi hào, hút ẩm nhằm bảo vệ quách gỗ, bọc nhựa trám bên trên. Lớp vôi hào có 7 đồng tiền thay ván thất tinh, chứng tỏ chủ nhân lăng Thủy Tiên là một bậc quyền quý.



Ảnh chụp tấm thất tinh (dienbath)

Chúng tôi tìm cách giám định những đồng tiền cổ này. Do 2 đồng đã gãy, còn 5 đồng bám vôi, đã oxit hóa bề mặt một phần nên chúng tôi không thể giám định hiệu tiền, niên đại của chúng. May mắn, vì ở Huế và quen biết Bác sĩ Nguyễn Anh Huy, chuyên gia tiền cổ, nên chúng tôi mang di vật tiền đồng tìm được ở lăng Thủy Tiên, đến bác sĩ Nguyễn Anh Huy để nhờ ông giám định.



Tác giả và Nguyễn Anh Huy đang giám định các đồng tiền thu được dưới lớp vôi hầu ở đáy huyệt lăng Thủy Tiên

Bằng kỹ thuật cao và bề dày kinh nghiệm của chuyên gia tiền cổ, bác sĩ Nguyễn Anh Huy giám định các đồng tiền cổ ấy là các đồng **Khang Hy Thông Bảo**. Chúng tôi nhờ bác sĩ Nguyễn Anh Huy viết vào sổ tay chúng tôi vài dòng sau đây để làm bằng:



Bác sĩ Nguyễn Anh Huy ghi kết quả giám định

các đồng tiền cổ ở lăng Thủy Tiên

Tại sao lại có hiệu tiền Trung Quốc với niên đại Khang Hy(1662-1722) ở lăng Thủy Tiên? Có cộng tác viên đặt vấn đề: Liệu lăng Thủy Tiên có chủ nhân là người Tàu, giàu có, chẳng hạn ở cảng Thanh Hà-Bao Vinh-Chợ Dinh, Huế và sống thời các chúa Nguyễn Phúc Nguyên, Nguyễn Phúc Tần? Kiểu thức kiến trúc với ba uynh thành, giống lăng Ba Vành, vật liệu xây uynh là đá gan gà, gạch bìa mỏng, bìa đá granit, uynh trong dạng giao hóa long, ...bình đồ to hơn lăng các chúa và lăng các bà vợ của các chúa giúp chúng tôi dễ dàng gạt ra ý kiến chủ nhân lăng Thủy Tiên là người Tàu. Lại có cộng tác viên đặt vấn đề lăng Thủy Tiên là lăng của một bà lớn nào đó của thời chúa Nguyễn? Các lăng của các bà vợ của chúa Nguyễn thường có danh xưng Vĩnh ..., uynh thành thường chữ nhật và có 2 uynh thành: Thành trong và thành ngoài, cổng một cửa. Ví dụ lăng Vĩnh Diễm của bà Đoàn Quý Phi, vợ của chúa Nguyễn Phúc Lan, mẹ của chúa Nguyễn Phúc Tần, ở Duy Xuyên Quảng Nam. Lăng Thủy Tiên, có ba uynh thành với cổng tam quan, to hơn các lăng Vĩnh...của các bà chánh thất của các chúa Nguyễn; nên lăng Thủy Tiên không phải của hoàng tộc chúa Nguyễn vậy .



Lăng Vĩnh Diễm chỉ có 2 uynh thành chữ nhật (Thành thứ ba do người sau xây để bảo vệ di tích)

Tại sao ở lăng Thủy Tiên, người xưa chọn hiệu tiền Khang Hy Thông Bảo của Trung Quốc để chôn ở đây huyệt? Và sự có mặt hiệu tiền này chứng tỏ lăng Thủy Tiên có niên đại cuối thế kỷ 17 và đầu thế kỷ 18 chẳng? Xin thảo luận vấn đề này:

Các chuyên gia khảo cổ đã tìm thấy một số di vật được tùy táng theo chủ nhân mộ cổ trong đó có chôn tiền cổ. Những đồng tiền cổ có trong mộ cổ giúp các nhà khảo cổ “khoanh vùng” khoảng thời gian chôn cất các chủ nhân, giúp tìm tông tích các chủ nhân khi mộ cổ bị mất bia, mất tấm minh tinh... Ví dụ ngôi mộ cổ ở đường Nguyễn Tri Phương (quận 10, TP HCM) được ông Phạm Hữu Mỹ, Trưởng ban khai quật, cho biết phía dưới gần túi trầu cau còn có 9 đồng tiền kim loại bị dính chặt lại. Các nhà khảo cổ hy vọng dựa vào những tiền đồng này có thể xác định niên đại ngôi mộ.

Tuy nhiên, những đồng tiền cổ chôn theo chủ nhân ngôi mộ không chỉ là những đồng có hiệu tiền Việt Nam mà còn có hiệu tiền Trung Hoa, thậm chí có đồng của những niên hiệu các đời vua trước, cách năm tháng mất của chủ nhân những ngôi mộ cổ hàng trăm năm. Ví dụ ngôi mộ cổ thời Trần, tại đồng Ao Đình, thôn Chính Đồn, xã Gia Minh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, nằm trên phần ruộng vẫn thường xuyên canh tác của gia đình anh Đình Trọng Tuấn, chủ nhân là một vị tướng đời Trần và phu nhân, có đồ tùy táng (vật chôn theo) gồm: tiền đồng có 7 đồng, tất cả đều là tiền Trung Quốc từ đời Tống trở về trước. Hầu hết các đồng tiền chôn theo người chết đều đã bị rỉ, nhưng những đồng tiền vẫn có chữ “Khai nguyên thông bảo”, “Cảnh hựu thông bảo”, “Hoàng Tống thông bảo”, “Nguyên phong thông bảo” của các đời Đường, Tống của Trung Quốc.

Người xưa sử dụng tiền đồng, gồm các hiệu tiền trong nước và ngoài nước, thuộc các niên đại khác nhau. Chẳng hạn: “*Một người dân trong khi rà tìm phế liệu tại xã Đức Hương, huyện Vũ Quang, Hà Tĩnh đã phát hiện một hũ sành đựng 90 kg tiền cổ. Theo xác minh bước đầu rất có thể số tiền được chôn vào thời kỳ nhà Nguyễn - Tây Sơn (1796-1801).*”

*...Theo phỏng đoán ban đầu trong hũ sành có 8 loại tiền Việt Nam, 3 loại tiền Trung Quốc, trong đó tiền Việt niên hiệu Quang Trung (1788-1793) có số lượng lớn nhất, tiếp đó là tiền niên hiệu Cảnh Hưng (1740-1786), Cảnh Thống (1498-1504)... Tiền **Trung Quốc** niên hiệu **Càn Long** (1736-1796) có số lượng lớn nhất, tiếp đó là Khang Hy (1662-1723), Hoàng Tống (1141-1149). Căn cứ vào niên đại các loại tiền cũng như qua xác minh Lý Hoá thì rất có thể số tiền được chôn trong khoảng thời gian từ năm 1796 -1801 vào thời nhà Nguyễn - Tây Sơn.” (Theo VTC)*



Những đồng tiền cổ trong hũ sành, phát hiện ở Hà Tĩnh (ảnh VTC)

Chôn theo chủ nhân những đồng tiền có hiệu tiền nước ngoài là một tập tục của người xưa, như tăng thêm phần giàu sang tôn quý. Ngay hiện nay tập tục ấy vẫn còn với tiền địa phủ in trên giấy, có mặt tiền đô-la của Mỹ! Ví dụ trong bài **Huyền bí khu mộ cổ Đống Thếch**, tác giả bài báo nhận định: “*Các đồng tiền được chôn theo chủ yếu là tiền nước ngoài (Trung Quốc) ở nhiều niên đại. Điều này, ngoài ý nghĩa riêng về phong tục còn phần nào phản ánh hoạt động kinh tế của xứ Mường lúc đó*” (TTXVN). Các nhà khảo cổ khi khai quật ngôi mộ của bà Phạm Thị Đăng, thụy Phạm Thị Nguyên Chân, vợ thứ của Ứng Quận Công Đặng Đình Tướng, ở gò đất thôn Vân Cát, xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định thì phát hiện trong miệng xác ướp ngậm một đồng tiền **Khang Hy Thông Bảo** và hai đồng **Hồng Hóa Thông Bảo** để “trả tiền dò qua sông Âm Phủ”. Khi chọn tiền Khang Hy Thông Bảo để phạm hàm, người xưa có ý đồ hẳn hoi chứ không chọn ngẫu nhiên.. Để khách quan trong nhận định này, chúng tôi trích vài đoạn trong bài **“Bí ẩn của các vật phẩm phong thủy (phần 2)”**, viết theo VZ, đăng trên An giang online, ngày 16/06/2010: “*Tiền xu cổ luôn là một pháp khí sử dụng rất nhiều trong Phong Thủy. Tiền, ngoài ý nghĩa về sự thịnh vượng và tài lộc, còn mang ý nghĩa tốt lành, hoá giải những tai hoạ và các sát tinh chiếu đến trong bài trí Phong Thủy. Vì thế **phép trấn yểm** không thể thiếu tiền xu Phong Thủy... Người xưa cho rằng tiền xu dùng trong yểm Phong Thủy nếu là tiền cổ thì tốt nhất, vì tiền cổ được chế tạo đã nhiều năm nên hấp thu được “thiên khí”. Đồng thời do phần lớn các đồng tiền cổ được chôn vùi dưới đất nên đã hấp thu được “địa khí”. Ngoài ra, nó đã được qua tay nhiều người sử dụng nên đã hấp thu được “nhân khí” rất nhiều. Ba khí Thiên Địa Nhân đều có đủ, nên các đồng tiền cổ có thể tăng việc hóa sát rất mạnh ... Theo Phong thủy thì các đồng tiền của các thời đại cường thịnh thì khí trường của nó rất mạnh...*”

Phải chăng, khi sử dụng 7 đồng tiền Khang Hy Thông Bảo, những người phụ trách an táng chủ nhân ngôi lăng Thủy Tiên đã cố ý chọn 7 đồng Khang Hy Thông Bảo, vừa đẹp, bền, vừa tôn quý mà cũng có uy lực trong phép trấn yểm phong thủy, trong mục đích như “ván thất tinh”. Dấu sao triều đại Khang Hy là cường thịnh, kéo dài hơn 60 năm .



Tiền Khang Hy Thông Bảo

E. Thay lời kết.

Lăng Thủy Tiên cùng kiểu thức kiến trúc với **lăng Ba Vành**, đồng đại về vật liệu xây dựng (đá, gạch, vữa, ...) thời Tây Sơn, cùng hội đủ các yếu tố của lăng vua, hoàng hậu và cùng bị quân phá, có ấn chứng của việc trị tội và trấn yểm của vua triều Nguyễn. Cũng như lăng Ba Vành, lăng Thủy Tiên nằm trong một khu vực hoàn toàn bị cấm, rất ít người lai vãng và cũng bị bỏ hoang phế cả trăm năm. Qua tài liệu lịch sử được nhà nghiên cứu Bửu Kế phát hiện trong di cảo của Cadriere, lưu giữ ở Thư viện của Đan Viện Thiên An, đoán biết linh mục Cadierre và cộng sự từng khảo sát hai lăng cổ này, linh mục đã ngờ lăng Ba Vành là lăng của vua Quang Trung. Cadriere đã viết thư nhờ R.Orband hỏi Bộ Lễ Nam triều; bằng lối điều tra lòng vòng, bộ Lễ đã trả lời R.Orband rằng lăng Ba Vành là lăng của thân thân gia đình quan Hồng Lô Tự Khanh Vũ Bá Khương, đó là Hộ Bộ kiêm Binh Bộ Lê Quý Công... Do sự trả lời mập mờ của Bộ Lễ Nam triều nên Cadierre càng tin lăng Ba Vành là lăng của vua Quang Trung. Linh mục đã nói điều ấy với các hội viên của Hội Đô Thành Hiếu Cổ, trong đó có giáo sư Nguyễn Thiệu Lâu, cụ Hoàng Viêng... Có khả năng Cadriere “bị cấm” công bố hai lăng cổ Ba Vành và Thủy Tiên, thuộc vào loại lăng to và kiến trúc độc đáo, vì bất lợi về mặt an ninh chính trị đối với Nam triều và thực dân Pháp. L. Cadriere lúc bấy giờ đã công bố trên 300 ngôi mộ cổ ở vùng phụ cận Huế, to có, nhỏ có, biết danh tính chủ nhân hoặc không biết danh tánh chủ nhân, trên tập san B.A.V.H của Hội Đô Thành Hiếu Cổ, vào năm 1917 nhưng tại sao phải chừa lại hai lăng Ba Vành và lăng Thủy Tiên không công bố ? Để rồi năm 1917, xảy ra sự kiện Hồng Lô Tự Khanh Vũ Bá Khương đưa hài cốt thân phụ Vũ Bá Bình vào chôn nhờ ở dưới nầm mai rùa lăng Ba Vành, bị tố giác, suýt bị triều đình Khải Định xếp vào trọng án, nhà cầm quyền phải tìm cho hai ngôi lăng hoang phế, bị trị tội, có chủ nhân giả kéo sự kiện Vũ Bá Khương sẽ lặp lại. Người ta có thể hủy hai lăng cổ này, nhưng vì trên hai lăng đó có ấn chứng trị tội, trấn yểm của vua Gia Long nên phải tìm cách giữ lại nhưng đánh lạc hướng về chủ nhân. Năm 1918 người ta đã tạo ra “mộ bà họ Trần”, chánh thất của một hoàng thân Bình Phú Công giả, để đánh lạc hướng chủ nhân thật của ngôi lăng Thủy Tiên. Ở lăng Ba Vành cũng tạo ra ngôi mộ giả, để đánh lạc hướng những văn khắc trên bia phụng lập. Thực ra người ta có thể hủy bia, nhưng vì bia có ấn chứng trị tội và trừ yểm

của vua Nguyễn nên buộc phải để lại, với biện pháp khắc thêm những chữ mới nhằm đánh lạc hướng những nhà nghiên cứu. Từ năm 1940 nhà cầm quyền cho phép dòng Biển Đức thành lập Đan Viện Thiên An, và khi Đan viện khai thác vật liệu và sinh hoạt ở đây thì cảnh quan của vùng này thay đổi rất nhiều. Nhà hộ lăng của hai lăng cũng biến dạng khi trở thành Nhà quản vụ vườn cam Đan viện Thiên An. Vậy nếu được viện khảo cổ Việt Nam tổ chức thao tác khảo cổ học nghiêm túc thì sớm có kết luận lăng Ba Vành (lăng của vua Quang Trung) và lăng Thủy Tiên (lăng Chính Cung Hoàng Hậu của vua Quang Trung). Cả hai lăng đều có chung nhà hộ lăng (nay là nhà Quản vụ vườn cam thuộc Đan Viện Thiên An) và vùng đồi Thiên An là viên lăng Đan Dương. Trong bài viết “Vụ án lịch sử” tiếp theo, chúng tôi sẽ công bố quá trình kẻ gian đã tìm cách đánh lạc hướng các nhà nghiên cứu trong việc tìm kiếm lăng mộ vua Quang Trung và Chính Cung Hoàng Hậu ở Huế, cũng như một số nhà nghiên cứu quá tin vào tư liệu không bằng chứng (chụp ảnh) của cụ Bửu Kế và cụ Lê Văn Hoàng, đã giữ mãi một định kiến : Lăng Ba Vành đã có chủ nhân là Lê Quang Đại. Cho dù có tư liệu cụ Bửu Kế, cụ Lê Văn Hoàng cung cấp là thật thì tư liệu ấy chỉ cho biết Hộ Bộ kiêm Binh Bộ Lê Quý Công là chủ nhân thứ hai của Lăng Ba Vành mà thôi. Sự bảo thủ của các nhà nghiên cứu chuyên dựa vào bài viết của cụ Bửu Kế, bất chấp những nghiên cứu mới nghiêm túc, vô tình tiếp tay cho những mưu đồ của kẻ gian, muốn giấu đi Đan Dương lăng, nơi nằm lại của hai vợ chồng anh hùng dân tộc Quang Trung ở Huế.

28-12-2010
Trần Viết Điền

Tài liệu tham khảo

- 1-Ngô Thị Nhậm Tác Phẩm tập II, Nxb Văn Học & TTNC Quốc Học, HN. 2001
- 2-Tuyển tập thơ văn Ngô Thị Nhậm, Nxb KHXH, HN, 1978
- 3-Thơ văn Phan Huy Ích, t.III, **Dụ Am ngâm lục**, KHXH, HN. 1978
- 4-Hoàng Thúc Trâm, **Quốc văn đời Tây Sơn**, Vĩnh Bảo, SG. 1950
- 5- QSQ triều Nguyễn, ĐNNTC, t.Thừa Thiên phủ , Nguyễn Tạo dịch, Nha VH bộ QGGD SG, 1961 .
- 6-QSQ triều Nguyễn, ĐNNTC, t. Kinh Sư, SG.1960
- 7-Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam - Ban Hán Nôm: Thơ văn Phan Huy Ích, t.II, Dụ Am Ngâm Lục, KHXH, HN.1978
- 8-L. Cadière, Les Tombeaux Annamites dans les environs de Huê, BAVH 1928.

9-Đại Nam Thực Lục Chính Biên, t.XXII, KHXH, HN, 1969

10- Bulletin des Amis du Vieux Hué (BAVH), số tháng 7-9 năm 1925

11-QSQ triều Nguyễn, ĐNTL Tiền biên, bản dịch Viện Sử học, t.1, HCM, 1962

12- Phan Huy Chú, Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí, t.1 Dư Địa Chí, Nguyễn Thọ Dực dịch, Phủ QVKĐTVH, SG, 1972

13-Đặng Phương Nghi, "Vài tài liệu mới lạ về những cuộc Bắc tiến chúa Nguyễn Huệ", Tập san Sử Địa số 9-10.

14-Phan Huy Lê, Quang Trung Nguyễn Huệ(1753-1792) con người và sự nghiệp, Sở VH TT Nghĩa Bình, 1986.

15-Đỗ Bang, Những khám phá về hoàng đế Quang Trung, NXB Thuận Hóa, Huế, 1986.